

"SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP".

BẢN CÁO BẠCH



DTLS
ĐẠI THIÊN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số: 4603000334, ngày 12/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 số: 3700381282 ngày 17/03/2010 do Sở Kế hoạch & Đầu tư, tỉnh Bình Dương cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số/QB-SGDHCM

do Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM cấp ngày ... tháng ... năm 2010)

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

❖ **Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc**

Trụ sở: Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: (+84) 650 3732 981/982

Fax: (+84) 650 3732 980/983

Email: daithienloc@hcm.vnn.vn

Website: www.daithienloc.com.vn

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 8 3824 2897

Fax: (+84) 8 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

❖ **Phụ trách công bố thông tin**

Họ tên: Nguyễn Văn Phương – Trợ lý Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0982 286 044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

(Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số: 4603000334, ngày 12/04/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 số: 3700381282 ngày 17/03/2010 do Sở Kế hoạch & Đầu tư, tỉnh Bình Dương cấp)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	DTL
Mệnh giá:	10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	38.800.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	388.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 8 3827 2295

Fax: (+84) 8 3827 2298/2300

Website: www.auditconsult.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 8 3824 2897

Fax: (+84) 8 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.	Rủi ro về kinh tế	1
2.	Rủi ro về tỷ giá	1
3.	Rủi ro về nguyên vật liệu	1
4.	Rủi ro về xuất khẩu	2
5.	Rủi ro tài chính	2
6.	Rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán	3
7.	Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	3
8.	Rủi ro về luật pháp	3
9.	Rủi ro khác	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BÀN CÁO BẠCH	4
1.	Tổ chức niêm yết	4
2.	Tổ chức tư vấn	4
III.	CÁC KHÁI NIỆM	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành phát triển	6
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	8
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	10
4.	Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	14
4.1.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện tại:	14
4.2.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	15
4.3.	Cơ cấu vốn điều lệ tính đến thời điểm hiện tại	15
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	15
6.	Hoạt động kinh doanh	16
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	34
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	35
9.	Chính sách đối với người lao động	42
10.	Chính sách cổ tức	43
11.	Tình hình tài chính	43
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	47
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty	54
14.	Dự án đầu tư của Công ty	55
15.	Chiến lược phát triển kinh doanh	56
16.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010	57
17.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	58
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	58
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả	

	chứng khoán niêm yết.....	59
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	60
1.	Loại chứng khoán.....	60
2.	Mệnh giá.....	60
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	60
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết.....	60
5.	Phương pháp tính giá.....	61
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	63
7.	Các loại thuế có liên quan.....	63
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	66
1.	Tổ chức niêm yết.....	66
2.	Tổ chức tư vấn.....	66
3.	Tổ chức kiểm toán.....	67
VII.	PHỤ LỤC.....	69

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

- Ngành thép là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của Việt Nam, do đó sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động của nền kinh tế toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng. Khi nền kinh tế tăng trưởng sẽ ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của ngành hoặc ngược lại. Điển hình trong cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu từ năm 2008 đến đầu 2009, hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp của Việt Nam đã chịu nhiều tác động nặng nề dẫn đến tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thép trở nên trì trệ.
- Cùng với nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi mặc dù tỷ lệ lạm phát sẽ gia tăng nhưng theo dự báo của BMI – Business Monitor International (Công ty Khảo sát Thị trường Quốc tế), GDP của Việt Nam năm 2010 sẽ tăng lên 5,5% từ mức 5% và sẽ có khả năng trở lại mức 8% vào năm 2013. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp ngành thép, trong đó có Đại Thiên Lộc ổn định sản xuất sau khủng hoảng và tạo đà tăng trưởng trong kinh doanh.

2. Rủi ro về tỷ giá

- Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp ngành thép của Việt Nam đều chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ. Do đó, sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Đối với Đại Thiên Lộc thì có khoảng 80 - 90% hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu, do đó, biến động tỷ giá USD/VND theo chiều hướng tăng sẽ ảnh hưởng đáng kể làm giảm doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Để khắc phục rủi ro này, giá thành sản phẩm được Đại Thiên Lộc tính toán căn cứ vào giá nhập khẩu (tính bằng USD) cộng chi phí sản xuất lưu thông. Đồng thời, giá bán hàng trong nước cũng như giá xuất khẩu luôn được cập nhật, thay đổi và phụ thuộc vào biến động giá cả trên thế giới nên rủi ro về tỷ giá cũng sẽ phần nào được hạn chế.

3. Rủi ro về nguyên vật liệu

3.1 Rủi ro về giá nguyên vật liệu

- Đặc điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thép Việt Nam là nhập khẩu 90% nguyên vật liệu từ nước ngoài nên sự biến động về giá thép trên thế giới sẽ ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của Công ty. Cụ thể, trong trường hợp giá thép thế giới biến động tăng giảm không theo chu kỳ trong khoảng thời gian 1 - 2 tháng từ khi doanh nghiệp ký hợp đồng nhập khẩu, mở L/C đến khi hàng về dẫn đến sự tăng giảm chi phí sản xuất và giá thành không như kế hoạch của doanh nghiệp.
- Đối mặt với rủi ro này, Công ty đã có biện pháp kiểm soát bằng cách luôn đưa ra kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu thích hợp để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

3.2 Rủi ro về dự trữ nguyên vật liệu

- Việc dự trữ nguyên vật liệu không hợp lý cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, nhất là trong những đợt giá thép biến động lớn. Khi giá thép thế giới tăng, nếu lượng dự trữ nguyên vật liệu không đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp sẽ phải mua thép với giá cao dẫn đến việc tăng giá thành sản phẩm. Ngược lại, khi giá thép giảm, nếu doanh nghiệp dự trữ quá nhiều nguyên vật liệu, trong khi mức tiêu thụ sụt giảm sẽ dẫn đến việc doanh nghiệp phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

và sẽ đẩy giá vốn hàng bán lên cao, ảnh hưởng không tốt đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Diễn hình, trong giai đoạn 2008 – đầu năm 2009, nền kinh tế toàn cầu rơi vào cuộc khủng hoảng, hầu hết các doanh nghiệp thép đều phải đối mặt với tình trạng sản xuất trì trệ do sức cầu giảm mạnh dẫn đến giảm sản lượng sản xuất và tăng lượng hàng tồn kho. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, khi nền kinh tế phục hồi, lượng hàng tồn kho thời gian qua của các doanh nghiệp thép đã giải quyết được vấn đề giá thép thế giới tăng cao trở lại và đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ thép lớn trong cả nước và thế giới. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi để hạn chế chi phí sản xuất trong năm 2009 của các doanh nghiệp trong ngành, trong đó có Đại Thiên Lộc.

4. Rủi ro về xuất khẩu

- Ngành thép là một trong những ngành đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu cho cả nước, tuy nhiên sản phẩm thép của Việt Nam vẫn chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nước nổi tiếng với giá trị sản xuất lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan. Bên cạnh đó, quy cách và chất lượng đòi hỏi cho sản phẩm thép để thâm nhập vào các thị trường quốc tế là rất cao, dẫn đến khả năng đào thải những doanh nghiệp yếu kém về mặt kỹ thuật là không nhỏ. Vì vậy, thị trường xuất khẩu cũng là một trong những rủi ro đáng kể của các doanh nghiệp xuất khẩu thép Việt Nam, trong đó có Đại Thiên Lộc.
- Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, sản phẩm thép của Đại Thiên Lộc đã được khách hàng ở các khu vực trên thế giới mà Công ty xuất khẩu đến như các nước Asean (Lào, Campuchia, Myanmar, Thái Lan ...), Bangladesh, Pakistan, Madagasca, Kenya, Congo, Sudan, Gambia, Peru, Columbia ... ưa chuộng và đánh giá cao do Công ty đã không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu và nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu khắt khe của họ. Điều này đã được chứng minh bằng giá trị kim ngạch xuất khẩu của Công ty đạt trên 31 triệu USD trong năm 2008 – năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.
- Ngoài ra, một rủi ro nữa mà các doanh nghiệp xuất khẩu phải đối mặt là mức độ tín dụng của các nhà nhập khẩu quốc tế. Đối với Đại Thiên Lộc, những hợp đồng xuất khẩu của Công ty hầu hết được thanh toán bằng L/C (thư tín dụng) hoặc T/T (chuyển tiền) trước khi giao hàng nên độ an toàn toàn cao và ít bị xảy ra những rủi ro về thanh toán.

5. Rủi ro tài chính

- Với việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, Đại Thiên Lộc phải sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng với hạn mức cao. Vì vậy, khi có những biến động về chính sách tiền tệ (đặc biệt là lãi suất) thì sẽ tạo ra các rủi ro về tài chính cho Công ty trong việc trả vốn và lãi vay.
- Do đặc điểm của ngành thép là cần lượng vốn lớn để nhập khẩu 90% nguyên vật liệu và đối với Đại Thiên Lộc cũng luôn nhập khẩu hàng hóa, không ngừng mở rộng hoạt động kinh doanh thì việc vay ngân hàng với hạn mức cao là đương nhiên. Tuy nhiên, điều này cũng sẽ đi đôi với rủi ro về tài chính do Công ty phải chịu áp lực trong việc trả lãi vay.
- Để hạn chế rủi ro này, Công ty cũng đã đa dạng hóa các kênh huy động vốn, trong đó có việc huy động vốn thông qua phát hành thêm cổ phiếu để cân đối cơ cấu tài chính Công ty. Thực tế cho thấy, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty đã giảm dần từ 3,46 xuống 1,37 lần trong giai đoạn từ năm 2007 – quý I/2010 và dự kiến sắp tới hệ số này cũng sẽ giảm dần do Công ty có kế hoạch huy động vốn cho dự án Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3.

6. Rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Mục đích của đợt phát hành cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi trong năm 2010 nhằm để bổ sung nguồn vốn lưu động cho dự án Khu liên hợp sản xuất thép tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương. Trong trường hợp đợt phát hành không thành công sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án của Công ty. Tuy nhiên đợt phát hành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc là phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành tương đối phù hợp nên phương án phát hành đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 29/04/2010 với sự nhất trí rất cao, vì vậy rủi ro của đợt phát hành đã được giảm thiểu.

7. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Đại Thiên Lộc có kế hoạch (i) chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 25%, (ii) phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1, (iii) phát hành cổ phiếu bán cho các thành viên chủ chốt và cán bộ công nhân viên với giá 16.000 đồng/cổ phiếu và không bị hạn chế chuyển nhượng và (iv) phát hành 100.000.000.000 đồng trái phiếu chuyển đổi thời hạn 1 năm cho cổ đông hiện hữu với giá chuyển đổi theo mệnh giá là 1.000.000 đồng/trái phiếu.

Nhà đầu tư nên lưu ý 1 số vấn đề liên quan đến rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn. (Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào số tiền mà Công ty nhận được từ việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để đầu tư mở rộng kinh doanh.).
- Khối lượng cổ phiếu tăng lên và giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh do điều chỉnh kỹ thuật giá tham chiếu của cổ phiếu Đại Thiên Lộc tại ngày không hưởng quyền nhận cổ phiếu thưởng, cổ tức bằng cổ phiếu.

8. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kì điều chỉnh nào cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên thì vẫn còn một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng, tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh và nguy cơ thiệt hại về người và của cho Công ty, đó là những rủi ro về hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Ông Vũ Thành Nam

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Lê Hồng Nhung

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Nguyễn Hồng Nam

Chức vụ: Giám đốc Điều hành

(Theo Giấy uỷ quyền số 35/2006/UQ-SSI do Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc ký ngày 15/11/2006).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (ĐTL). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- ĐHĐCĐ: Đại Hội đồng Cổ đông;
- HĐQT: Hội đồng Quản trị;
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán;
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND: Ủy ban Nhân dân;
- BGD: Ban Giám đốc;
- BKS: Ban Kiểm soát;
- CTCP: Công ty Cổ phần;
- TNHH: Trách nhiệm Hữu hạn;
- Công ty: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc;
- Đại Thiên Lộc: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc;
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc;
- Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – SSI;
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên;
- KCN: Khu công nghiệp;
- PLC: Programmable Logic Controller - bộ điều khiển logic lập trình. PLC dùng để thay thế các mạch relay (rơ - le), PLC hoạt động theo phương thức quét các trạng thái trên đầu ra và đầu vào, khi có sự thay đổi ở đầu vào thì đầu ra sẽ thay đổi theo;
- NQA: National Quilting Association – Hiệp hội Tiêu chuẩn Chất lượng Quốc gia;
- JIS: Japanese Industrial Standard – Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản;
- BHXH: Bảo hiểm xã hội;
- PCCC: Phòng cháy chữa cháy;
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh;
- VND: Đồng Việt Nam;
- USD: Đô la Mỹ.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- Tên tiếng anh : DAI THIEN LOC CORPORATION
- Tên viết tắt : DTLS
- Trụ sở chính : Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
- Điện thoại : (+84) 650 3732 981/982
- Fax : (+84) 650 3732 980/983
- E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn
- Website : www.daithienloc.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ màu (tôn màu), mạ hợp kim nhôm - kẽm (tôn lạnh), thép lá cán nguội, thép ống/hộp v.v...;
 - Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ thép;
 - Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng;
 - Mua bán sắt thép các loại;
 - Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001.
- Đến năm 2003, Công ty mới thật sự hoạt động mạnh và có thương hiệu với việc lắp đặt, vận hành dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm và đưa ra sản phẩm chủ lực của Công ty là tôn mạ kẽm.
- Trong năm 2006 và 2007, Công ty lần lượt quyết định tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng và 99 tỷ đồng nhằm đáp ứng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Để khẳng định thương hiệu của mình trong ngành thép, phát huy nhiều tiềm năng sẵn có và mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất, Công ty chính thức được chuyển đổi thành CTCP Đại Thiên Lộc với Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/04/2007 và thực sự đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào tháng 06/2007.
- Ngày 23/12/2008, Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 về việc thành lập Khu liên hợp sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m² để tập trung vào sản xuất sản phẩm thép lá cán nguội và thép lá mạ hợp kim nhôm - kẽm, mạ kẽm dây, mạ màu v.v...
- Tháng 6/2008, Công ty lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm và đưa sản phẩm tôn mạ màu tham gia vào thị trường trong quý II/2008. Đây cũng là tiền đề để Đại Thiên Lộc đáp ứng nhu cầu của khách hàng về những sản phẩm chất lượng cao và ổn định.

- Ngày 22/12/2008, Đại Thiên Lộc chính thức thành lập 3 công ty con chuyên về sản xuất và kinh doanh thép tại Bình Dương.
- Từ tháng 8/2008 đến tháng 9/2009, mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra, nhiều doanh nghiệp thép phải ngừng sản xuất nhưng Đại Thiên Lộc đã lần lượt có những đợt phát hành cổ phiếu thành công để tăng vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 388 tỷ đồng theo Giấy Chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 8 số 3700381282 được cấp vào ngày 17/03/2010 và tình hình sản xuất kinh doanh được xem là ổn định với lợi nhuận sau thuế luôn duy trì ở mức tăng trưởng trung bình khoảng 31,5% từ năm 2006 – 2008.
- Suốt 7 năm hoạt động, Công ty đã xây dựng 1 nhà máy, thành lập 3 công ty con, 8 chi nhánh và 450 đại lý bán hàng trên khắp cả nước. Công ty có sản lượng gia tăng, sản phẩm cung ứng ra thị trường đa dạng hơn, doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng. Việc không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng vốn điều lệ (từ 6 tỷ đồng lên 388 tỷ đồng) và sản phẩm thép của Công ty đã cho thấy năng lực, uy tín chất lượng và khả năng duy trì, phát triển thương hiệu trong sự cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp trong ngành. Điều này cũng chứng tỏ sự nỗ lực to lớn của tất cả cán bộ công nhân viên, Ban điều hành và việc ứng dụng, đầu tư hợp lý, kịp thời các dây chuyền công nghệ, máy móc hiện đại của Công ty.
- Ngoài ra, Công ty đã đạt được nhiều giải thưởng có uy tín trong ngành thép và xây dựng như:
 - Giải "Quả cầu vàng" chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn do Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 23/05/2006;
 - Cúp vàng Vietbuild 2006, 2007, 2008 và 2009", thương hiệu ngành xây dựng do Ban Tổ chức Triển lãm Quốc tế do Bộ Xây dựng trao tặng năm 2006, 2007, 2008 và 2009;
 - Cúp vàng "Sản phẩm Việt uy tín chất lượng" có dấu hiệu hợp chuẩn WTO, do Ban thi đua khen thưởng Trung ương/Tạp chí thi đua khen thưởng TW, Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam đồng trao tặng ngày 31/12/2006;
 - Cúp vàng "Thương hiệu Việt" do Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 04/01/2007;
 - Giấy khen của Công an tỉnh Bình Dương vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2007 (Quyết định 41 ngày 11/1/2008);
 - Giấy khen của Cục Hải quan Bình Dương vì đã có thành tích hoàn thành nhiệm vụ nộp thuế xuất nhập khẩu và chấp hành tốt pháp luật Hải quan năm 2007, 2008 (Quyết định số 593/QĐ-HQBD ngày 25/12/2007 và 05/QĐ-HQBD ngày 08/01/2009);
 - Giải "Top ten Sao vàng Đông Nam bộ 2008" với 5 tiêu chí cơ bản của Ban Tổ chức: có năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế; có nền sản xuất, công nghệ thân thiện với môi trường; bộ máy quản lý khoa học mang lại hiệu quả kinh tế cao; có thành tích sản xuất tốt gắn liền với các hoạt động xã hội thiết thực;
 - Bằng khen của Ủy ban Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam vì đã có thành tích phát triển thương hiệu và sản phẩm trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế (Quyết định số 54/2008/QĐ/UBTU-DNT ngày 24/7/2008);
 - Top 10 Sao vàng Đông Nam Bộ năm 2008 do Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng (Quyết định số 53/QĐ/UBTU-DNT ngày 24/7/2008);
 - Top 100 Sao vàng Đất Việt 2008 do Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế và Ủy ban Trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng ngày 26/08/2008;
 - Bằng khen của Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế (Quyết định số 68/QĐ-UBQG ngày 01/09/2008);

- Doanh nghiệp tiêu biểu 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia do Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam, Lào và Campuchia đồng trao tặng ngày 18/01/2009;
- Top 100 sản phẩm tiêu biểu ứng dụng khoa học & công nghệ năm 2008 do Bộ Khoa học và Công nghệ - Cơ quan ĐD phía Nam (Quyết định số 07/QĐ ngày 12/01/2009) v.v...

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ kể từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần

Thời gian	Vốn điều lệ (VND)	Giá trị tăng (VND)
Khi thành lập 12/04/2007	99.000.000.000	-
Đợt 1: 31/03/2008	152.000.000.000	53.000.000.000
Đợt 2: 25/07/2008 - 10/08/2008	192.000.000.000	40.000.000.000
Đợt 3: 10/11/2008 - 15/11/2008	230.000.000.000	38.000.000.000
Đợt 4: 16/12/2008 - 31/12/2008	253.000.000.000	23.000.000.000
Đợt 5: 31/07/2009	350.000.000.000	97.000.000.000
Đợt 6: 11/09/2009 - 30/09/2009	388.000.000.000	38.000.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



❖ Trụ sở chính

Trụ sở: Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương.

Điện thoại: (+84) 650 3732 981/982

Fax: (+84) 650 3732 980/983

Hình 1: Trụ sở chính của Công ty



❖ Các công ty con

STT	Công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc Thành lập: 22/12/2008.	- Địa chỉ: Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương - Điện thoại: (+84) 650 3732 981 - Fax: (+84) 650 3732 980
2	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc Thành lập: 22/12/2008.	- Địa chỉ: Ô 13C, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, huyện Tân Uyên, Bình Dương - Điện thoại: (+84) 650 3631991 - Fax: (+84) 650 3631992
3	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc Thành lập: 22/12/2008	- Địa chỉ: Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, huyện Tân Uyên, Bình Dương - Điện thoại: (+84) 650 3631991 - Fax: (+84) 650 3631992

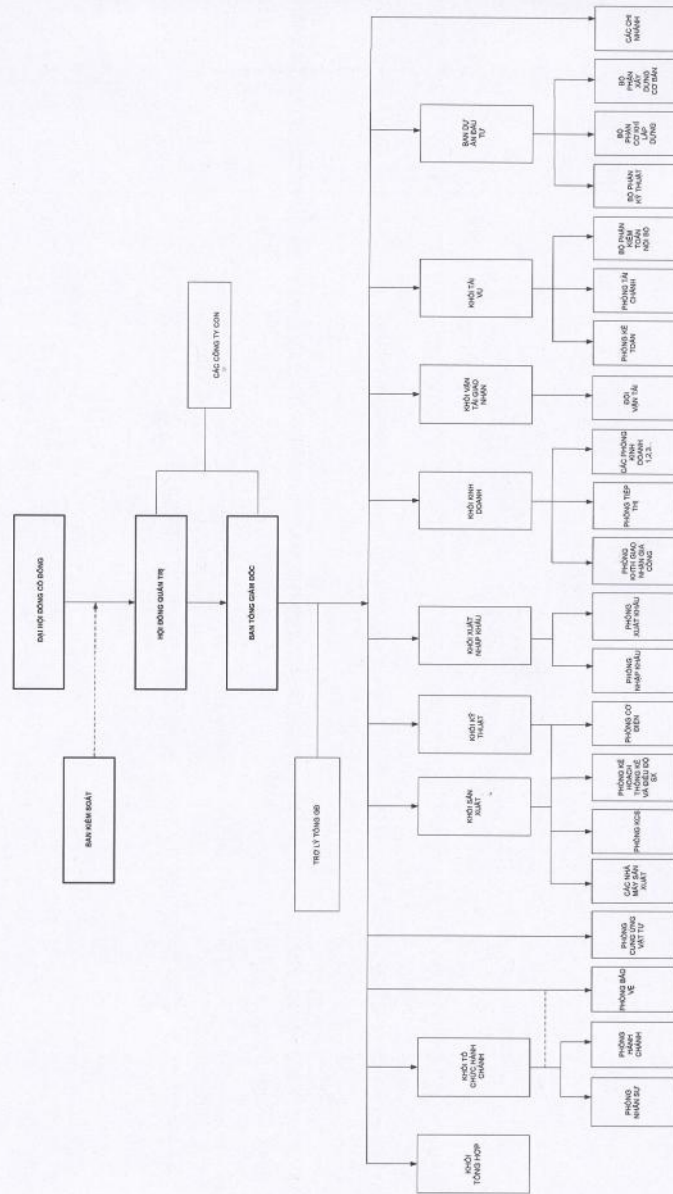
❖ Các chi nhánh

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Tại Đà Nẵng: Thành lập: 19/10/2006.	- Địa chỉ: 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng - Điện thoại: (+84) 511 3214 148 - Fax: (+84) 511 3731 837
2	Tại Vũng Tàu: Thành lập: 01/02/2007.	- Địa chỉ: 139 Bình Giã, phường 8, TP.Vũng Tàu - Điện thoại: (+84) 64 3585 544 - Fax:
3	Tại Bà Rịa:	Địa chỉ: 19 Cách mạng tháng 8, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa,

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
	Thành lập: 26/11/2002.	tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Điện thoại: (+84) 64 3820 553 - Fax: (+84) 64 3820 550.
4	Tại Hậu Giang: Thành lập: 13/05/2003.	- Địa chỉ: 1 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang - Điện thoại: (+84) 711 3878 585 - Fax: (+84) 0711 3876 675
5	Tại Bình Dương (Tân Uyên): Thành lập: Năm 2007	- Địa chỉ: Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, đường N5, KCN Sóng Tân 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - Điện thoại: (+84) 650 3631991 - Fax: (+84) 650 3631992
6	Tại Bình Dương (Tân Uyên): Thành lập: Năm 2007	- Địa chỉ: Ô 13A, Lô CN8, đường N5, KCN Sóng Tân 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - Điện thoại: (+84) 650 3631991 - Fax: (+84) 650 3631992
7	Tại TP. HCM (Bình Chánh): Thành lập: Năm 2008	- Địa chỉ: 14/20 QL 1A, ấp 3, xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM - Điện thoại: (+84) 8 3760 0941 - Fax: (+84) 8 3760 0940
8	Tại Bình Dương (Dĩ An): Thành lập: 11/09/2006.	- Địa chỉ: 105/4A ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương - Điện thoại: (+84) 650 3727 783 - Fax: (+84) 650 3727 780

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình của công ty cổ phần với chi tiết như sau:

❖ **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ II (2007 – 2012) của Công ty như sau:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên HĐQT
Ông Lê Anh Thi	Thành viên HĐQT
Ông Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên HĐQT

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm do ĐHCĐ bầu ra.

Cơ cấu Ban kiểm soát hiện nay của Công ty như sau:

Bà Lê Hồng Nhung	Trưởng BKS
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên BKS
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên BKS

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban điều hành của Công ty gồm Tổng giám đốc Công ty, 03 Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm (hoặc tuyển dụng), là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Vũ Thành Nam	Kế toán trưởng

Hiện tại, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc thì HĐQT bổ nhiệm một thành viên Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; trong trường hợp này Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về các nhiệm vụ và quyền hạn được giao phó.

❖ **Khối Tổ chức - Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính**

- Xây dựng, ban hành chính sách, quy chế về việc sử dụng, quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang lương, bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật ...
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;

- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.

❖ **Khối tổng hợp**

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR;
- Đầu tư, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới v.v...

❖ **Khối vận tải**

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

❖ **Phòng cung ứng vật tư**

Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty;

❖ **Phòng bảo vệ**

Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

❖ **Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu**

- Tìm hiểu thông tin thị trường thép thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
- Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
- Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, v.v...

❖ **Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện**

- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới, kỹ thuật cao, quy trình hợp lý để sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng tốt, tiết kiệm chi phí sản xuất, gia tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm do Công ty làm ra;
- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;
- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị, v.v...;
- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;
- Mua sắm, theo dõi, quản lý sử dụng các thiết bị kiểm tra, đo lường;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm do Công ty sản xuất, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Thực hiện công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động và vệ sinh công nghiệp;
- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;
- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, v.v...

❖ **Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công**

- Xây dựng chiến lược Marketing, hệ thống phân phối, kế hoạch kinh doanh, cơ chế chính sách phục vụ công tác bán hàng và thu hồi công nợ;
 - Thực hiện công tác tuyên truyền, quảng cáo, lập kế hoạch quảng bá thương hiệu "Đại Thiên Lộc – DTLS";
 - Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
 - Giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác chăm sóc, phục vụ khách hàng.
- ❖ **Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ**
- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ, v.v...;
 - Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;
 - Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;
 - Phối hợp với phòng Hành chánh – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;
 - Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;
 - Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;
 - Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.
- ❖ **Ban dự án đầu tư gồm BP Kỹ thuật, BP Cơ khí Lắp dựng, BP Xây dựng cơ bản**
- Nghiên cứu về công nghệ, quy trình sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm, thép lá mạ kẽm dày, thép ống/hộp v.v...;
 - Phân tích, đánh giá và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc lựa chọn nhà cung cấp dây chuyền thiết bị;
 - Thiết kế, tự chế tạo và đặt gia công chế tạo trong nước một số thiết bị cơ khí nhằm giảm chi phí đầu tư và chủ động trong sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng và thay thế trong quá trình vận hành dây chuyền;
 - Dưới sự hướng dẫn và giám sát của chuyên gia nước ngoài và trong nước, thực hiện lắp ráp, hiệu chỉnh, thử nguội (chạy không tải), thử nóng (chạy có tải), kiểm tra hiệu suất các dây chuyền thiết bị...;
 - Phối hợp với bên tư vấn và thiết kế xây dựng trong vấn đề quy hoạch tổng thể, chi tiết toàn bộ dự án;
 - Thuê và giám sát bên thi công xây dựng các hạng mục công trình mà Công ty không làm được nhằm hiểu rõ quá trình thi công để thuận tiện sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng về sau;
 - Lắp dựng nhà xưởng, nhà kho và các hạng mục công trình kiểu nhà tiền chế vốn là thế mạnh của Công ty.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện tại:

Đã hết hiệu lực.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty đến ngày 30/04/2010

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	NGUYỄN THANH NGHĨA	23/28 D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Q. Bình Thạnh, Tp HCM	10.775.782	27,77%
2	NGUYỄN THANH LOAN	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TpHCM	7.708.567	19,87%
3	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TpHCM	5.745.420	14,81%
4	CTCP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN	72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp HCM	3.060.000	7,89%
5	NGUYỄN THANH DUNG	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, TpHCM	2.335.049	6,02%
Tổng cộng			29.624.818	76,35%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

4.3. Cơ cấu vốn điều lệ tính đến thời điểm hiện tại

Bảng 3: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty đến ngày 30/04/2010

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông trong nước	155	37.610.000	96,93
	+ Cá nhân	146	32.280.000	83,19
	+ Tổ chức	9	5.330.000	13,74
2	Cổ đông nước ngoài	2	1.180.000	3,04
	+ Cá nhân	0	0	0
	+ Tổ chức	2	1.180.000	3,04
3	Cổ phiếu quỹ	0	10.000	0,03
Tổng cộng		157	38.800.000	100,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

5.1. Danh sách các công ty con của Đại Thiên Lộc tính đến thời điểm hiện tại

Bảng 4: Danh sách các công ty con của Đại Thiên Lộc tính đến thời điểm hiện tại

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	15.000.000.000. Trong đó, ĐTL góp 15.000.000.000 (tương đương 100% VDL).	- Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống ...; - Mua bán sắt thép các loại. Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng...;

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh
			- Mua bán xe ô tô, xe tải...; - Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây dựng nhà các loại; - Thi công hệ thống điện công trình. Thi công hệ thống nước công trình; - Vận chuyển hàng hóa đường bộ...
2	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	10.000.000.000. Trong đó, ĐTL góp 10.000.000.000 (tương đương 100% VDL)	- Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây dựng nhà các loại; - Thi công hệ thống điện công trình. Thi công hệ thống nước công trình; - Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống...; - Mua bán sắt thép các loại. Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng...
3	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc	50.000.000.000. Trong đó, ĐTL góp 50.000.000.000 (tương đương 100% VDL)	- Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống...; - Mua bán sắt thép các loại. Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng...; - Mua bán xe ô tô, xe tải...; - Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây dựng nhà các loại; - Thi công hệ thống điện công trình. Thi công hệ thống nước công trình; - Vận chuyển hàng hóa đường bộ...

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Ghi chú: Tính đến thời điểm hiện tại, chỉ riêng Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc là thật sự đóng góp doanh thu, còn 2 công ty còn lại vẫn chưa đi vào hoạt động.

5.2. Danh sách các công ty liên kết với Đại Thiên Lộc tính đến thời điểm hiện tại

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các chủng loại sản phẩm/dịch vụ

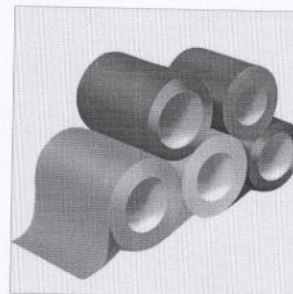
- Sản phẩm chính của Công ty bao gồm: tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn lạnh được cung cấp dạng cuộn, dạng tấm lá hoặc cán sóng vuông, sóng tròn, sóng ngói, lá – phòng, uốn vòm ...
- Những sản phẩm này đa dạng về độ dày, khổ rộng, chiều dài để khách hàng có sự lựa chọn tốt nhất.
- Ứng dụng của sản phẩm: tấm lợp, trần nhà, vách, mái che, cửa cuốn, máng xối, ống nước, vật dụng gia đình, thiết bị công nghiệp, và các ứng dụng khác ...

- Những năm trước 2008, doanh thu của Công ty đạt được từ 2 mảng kinh doanh chính là hoạt động sản xuất và hoạt động thương mại lần lượt chiếm tỷ trọng là 60% và 40%. Tuy nhiên, từ 2008 đến nay, hoạt động thương mại đã chiếm tỷ trọng cao hơn do Công ty đã thay đổi chiến lược kinh doanh để thích nghi với tình hình khủng hoảng kinh tế thế giới.

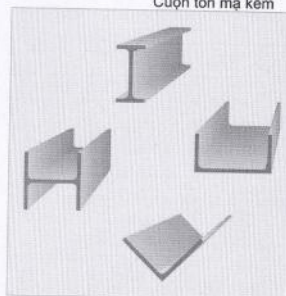
Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty



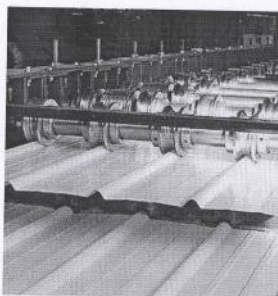
Cuộn tôn mạ kẽm



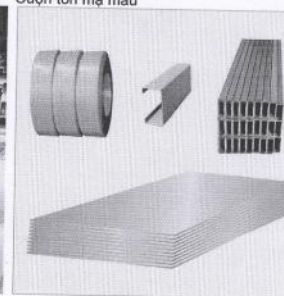
Cuộn tôn mạ màu



Thép hình H-I-U-V



Dập cán sóng tôn



Thép tấm, xà gỗ thép

a. Tôn mạ kẽm:

- Tôn mạ kẽm là sản phẩm đầu tiên và cũng là sản phẩm chính của Công ty được sản xuất bằng dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục với công suất 60.000 tấn/năm.
- Tôn mạ kẽm DTLS dạng cuộn được sản xuất bằng công nghệ mạ nhúng nóng theo tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản JIS G 3302 SGCC, có bóng kẽm, tráng phủ chromate, cứng/mềm.
- Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3141 SPCC 1B/SB/SD.
- Được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm và hợp kim trên nền thép lá cán nguội (thép lá đen).
- Hội tụ những ưu điểm như: bề mặt tôn phẳng, các tinh thể hợp kim kết tinh tạo thành lớp bóng kẽm đẹp, sáng, bóng, khả năng chống ăn mòn với môi trường tự nhiên và bức xạ nhiệt tốt hơn so với sản phẩm khác.
- Lớp anti - finger phủ trên bề mặt tôn có tác dụng chống oxy hóa, giữ cho bề mặt tôn sáng lâu, tránh bong tróc và tẩy xước lớp kẽm mạ trong quá trình dập cán sóng và tạo hình.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật:

Các yêu cầu kiểm tra	Tiêu chuẩn JIS G 3302	Kiểm tra thực tế
Độ bền va đập	500gr x 750mm (không tróc)	1000gr x 500mm (không tróc)
Độ bền uốn	0T – 4T	0T – 3T

- Quy cách: độ dày (0,13 – 1,00mm), khổ rộng (762 – 1.250mm), TC kẽm bám (Z10 – Z25), bóng kẽm thường/nhỏ.
- Ngoài ra, tôn mạ kẽm của Công ty có ưu thế vượt trội về chất lượng, được khách hàng tin nhiệm và đánh giá cao do sản phẩm này được sản xuất theo quy trình hợp lý, mức tiêu hao nguyên vật liệu thấp, giá thành giảm mặc dù giá bán vẫn chênh lệch cao hơn khoảng 2% so với sản phẩm cùng loại của một số doanh nghiệp khác do Công ty chấp nhận đầu tư chi phí cho những khoản đảm bảo chất lượng sản phẩm.

b. Tôn mạ màu:

- Năm 2006, với chủ trương mở rộng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, Công ty đã đầu tư thêm một dây chuyền mạ màu với công suất 45.000 tấn/năm và đưa vào hoạt động từ tháng 06/2008.
- Sản phẩm này được đưa ra thị trường trong năm 2008 đã được đón nhận, ưa chuộng và đóng góp lớn cho doanh thu của Công ty cũng như khẳng định tên tuổi Đại Thiên Lộc.
- Tôn mạ màu DTLS được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS G 3312 với nguyên liệu đầu vào là tôn mạ kẽm DTLS phù hợp tiêu chuẩn JIS G 3302.
- Được sản xuất trên cơ sở phủ sơn cao cấp của các hãng nổi tiếng thế giới như: Becker (Phân Lan), KCC (Hàn Quốc) ... lên trên nền tôn mạ kẽm Đại Thiên Lộc.
- Ưu điểm sản phẩm: lớp sơn bóng đẹp, bền màu, không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình vận chuyển và tạo hình, tuổi thọ cao hơn hẳn so với các sản phẩm cùng loại.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật:

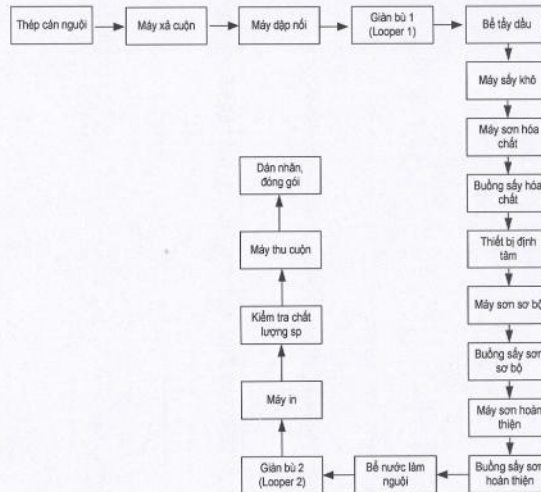
Các yêu cầu kiểm tra	Tiêu chuẩn JIS G 3312	Kiểm tra thực tế
Độ bền va đập	750gr x 750mm (không tróc)	1000gr x 500mm (không tróc)
Độ bền uốn	0T – 4T	0T – 3T
Độ bóng	Không thể hiện	40 – 50
Độ cứng màng sơn	HB – 3H	1H – 3H
Độ bền màu	MEK 50DR	MEK > 100DR
Độ dày lớp sơn	Không yêu cầu	20µm - 23 µm

- Quy cách: độ dày tôn kẽm (0,11 – 1,5mm), độ dày tôn màu (0,13mm – 0,8mm), bề rộng (762 - 1250mm).
- Màu sắc thông dụng: xanh rêu, xanh ngọc, đỏ đậm, vàng kem, xanh dương, xanh tím.

c. Tôn lạnh, thép cán nóng, thép cán nguội, thép hình H-I-U-V, bảng xà gỗ, thép xây dựng...:

Đây là những sản phẩm được Công ty kinh doanh hiệu quả, nhất là sản phẩm thép lá vốn là thế mạnh của Công ty. Có lợi thế về các mối quan hệ lâu năm với các nhà cung ứng sản phẩm thép ở nước ngoài, Đại

Hình 4: Quy trình sản xuất tôn mạ màu liên tục



6.6.2 Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

- Nhận thấy nhu cầu sử dụng thép dẹt trong nước và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi... gia tăng đáng kể, Công ty đã không ngừng nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm hiện thời như thép lá mạ kẽm, thép lá mạ màu và đa dạng hóa sản phẩm mới như thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm và các sản phẩm khác... để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Điều này đã được chứng minh bởi chất lượng sản phẩm tôn mạ của Đại Thiên Lộc ngày càng có nhiều ưu điểm cạnh tranh với cùng loại sản phẩm của các doanh nghiệp thép khác.
- Từ năm 2008, Công ty đã tìm hiểu công nghệ, quy trình sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm. Công ty đã đàm phán với nhiều nhà cung cấp dây chuyền thiết bị sản xuất và đã ký kết hợp đồng nhập khẩu 01 dây chuyền tẩy rửa công suất 600.000 tấn/năm, 02 dây chuyền thép lá cán nguội với tổng công suất xấp xỉ 200.000 tấn/năm, 01 dây chuyền nắn phẳng tôn, 02 dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm với tổng công suất 270.000 tấn/năm, 01 dây chuyền thép lá mạ màu với công suất 85.000 tấn/năm ... Bên cạnh đó, công ty tự thiết kế chế tạo 01 dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng công suất 80.000 tấn/năm và đặt chế tạo trong nước nhiều dây chuyền sản xuất ống thép, dây chuyền xả băng, chất tẩy thép, cắt lá, xén biên ...

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a. Hệ thống quản lý chất lượng

- Hầu hết các khách hàng của Đại Thiên Lộc đều là những doanh nghiệp trong lĩnh vực thép và lĩnh vực xây dựng nên họ đòi hỏi rất cao về chất lượng sản phẩm. Do đó, Công ty rất chú trọng đến công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình sản xuất.
- Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt từ nguyên liệu đầu vào, trong suốt quá trình sản xuất cho đến sản phẩm đầu ra, qua hệ thống phân phối và đến tay người tiêu dùng.

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 được tổ chức NQA – Hoa Kỳ cấp giấy chứng nhận ngày 06/01/2006.
- Sản phẩm của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn JIS G 3302:1998 (Nhật Bản).
- Trên biên của tất cả các sản phẩm (cuộn tôn) có in thông số kỹ thuật bằng loại mực đặc biệt có màu đỏ. Ví dụ, thông tin in trên sản phẩm như sau:

3456-DTLS-Dai Thien Loc-ISO 9001:2000-35-20-MS C2708BJ/09-08/10/09

Diễn giải:

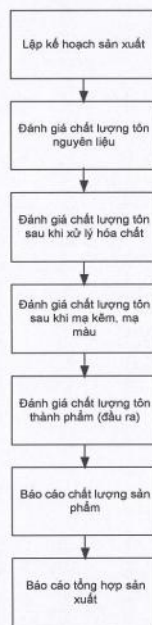
- ✓ 3456: là tổng số mét in trên cuộn tôn (chiều dài cuộn), cách 2 mét có in một số (trong đó những những đoạn tôn đạt chất lượng tốt đánh giá là mét A, đoạn tôn chất lượng chưa hoàn hảo thì sẽ đánh giá là mét B, C); ví dụ: 1320A - 6B được hiểu là tổng chiều dài cuộn tôn 1326 mét, trong đó 1320 mét tôn loại A và 6 mét tôn loại B.
- ✓ DTLS: là nhãn hiệu hàng hóa đăng ký độc quyền.
- ✓ Dai Thien Loc: là tên công ty.
- ✓ ISO 9001:2000: là hệ thống quản lý chất lượng.
- ✓ 35-20: là độ dày trước và sau mạ (độ dày tôn đen, tôn kẽm).
- ✓ MS C2708BJ/09 : là mã quản lý sản phẩm.
- ✓ 08/10/09: là ngày sản xuất.

Ngoài các thông tin cơ bản in trên cuộn tôn như nêu trên, nhãn sản phẩm còn bổ sung các thông tin khác không kém quan trọng như:

- ✓ Mã số cuộn nguyên liệu là thép lá cán nguội (thép lá đen).
- ✓ Mã số cuộn sản phẩm (tôn kẽm, tôn màu).
- ✓ Chữ ký của trưởng ca sản xuất.
- ✓ Chữ ký của bộ phận kiểm tra chất lượng.
- Nhờ việc áp dụng các tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt, sản phẩm của Công ty được khách hàng tin nhiệm và đánh giá cao.

b. Quy trình kiểm tra chất lượng

Hình 5: Quy trình kiểm tra chất lượng



c. Bộ phận kiểm tra chất lượng

Với mục tiêu tạo lợi thế cạnh tranh, Đại Thiên Lộc đặc biệt chú trọng đến chất lượng sản phẩm, do đó bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty phải tuân thủ theo quy trình kiểm tra cố định cùng với sự phối hợp của bộ phận sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn JIS của Nhật Bản.

6.8 Hoạt động Marketing

- Hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu của Đại Thiên Lộc vẫn chưa thật sự mạnh mẽ do quy mô sản xuất hiện tại không đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, Công ty cũng đã tham gia đầy đủ các kỳ triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như : Triển lãm Vietbuild, Hội chợ hàng VN chất lượng cao và xuất khẩu tại Phnompenh (Campuchia), Hội chợ Thương mại quốc tế Việt – Lào tại Vientian (Lào), Hội chợ Thương mại quốc tế Việt Nam – Myanmar tại Yangon (Myanmar) nhằm quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm thép với mong muốn khẳng định thương hiệu dựa trên chất lượng sản phẩm để cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty có ưu điểm là nhạy bén trong việc nắm bắt thị trường nên luôn đáp ứng kịp thời các nhu cầu của từng loại sản phẩm.
- Công ty có thể phân phối sản phẩm qua cả 2 kênh bán sỉ và bán lẻ. Tuy nhiên, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và ổn định thị trường, việc phân phối thông qua bán lẻ đang là ưu tiên hàng đầu.

a. Kênh bán hàng thông qua đại lý/nhà máy cán tôn, xà gỗ (bán sỉ)

- Hiện nay, Công ty đã có một hệ thống phân phối ổn định, bao gồm khoảng 450 đại lý phân phối sản phẩm rộng khắp trong cả nước.

- Khách hàng chủ yếu là các nhà máy cán tôn ở TP. HCM và các tỉnh thành trong cả nước. Các nhà máy cán tôn này phải đầu tư hệ thống cầu, máy xả cuộn tôn, máy cán sóng tôn các loại để dập cán sóng và cắt chiều dài tấm tôn theo yêu cầu cụ thể của từng công trình.

b. Kênh bán hàng trực tiếp (bán lẻ)

- Các chi nhánh của Công ty được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị như một nhà máy cán tôn để phục vụ bán lẻ và phải có kho chứa hàng để kịp thời cung cấp hàng bán sỉ cho các nhà máy cán tôn khác gần chi nhánh.
- Chính vì vậy, Công ty cần có nhiều chi nhánh ở hầu hết các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước. Đến hiện tại, Công ty đã lập 8 chi nhánh ở thành phố Đà Nẵng, thị xã Vị Thanh (Hậu Giang), thị xã Bà Rịa, thành phố Vũng Tàu, thị trấn Dĩ An (Bình Dương), thị trấn Tân Uyên (Bình Dương), huyện Bình Chánh (Tp. HCM). Công ty cũng đang xúc tiến việc thành lập thêm các chi nhánh ở Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang, Tây Nguyên, Tiền Giang, An Giang v.v...

c. Kênh xuất khẩu

- Bên cạnh việc tiêu thụ trong nước, Công ty cũng tập trung đẩy mạnh việc xuất khẩu sản phẩm kể từ năm 2007 sang các nước mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh.
- Đến nay, ngoài một số thị trường truyền thống như Lào, Campuchia thì Công ty đã xuất khẩu sản phẩm sang các nước ASEAN khác (Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan, Singapore ...), Ả Rập Xêút, UAE, Bangladesh, Pakistan, Madagasca, Kenya, Congo, Sudan, Gambia,... với kim ngạch ngày càng tăng cao.
- Đối với các thị trường mới và chưa ổn định như trên, Công ty có chính sách linh động để hòa nhập với các tiêu chí quốc tế như: thanh toán quốc tế, chấp nhận một khoản không nhỏ chi phí trung gian để có được hợp đồng xuất khẩu, khẳng định uy tín của nhà sản xuất, chất lượng và giá thành của sản phẩm... Để đạt được những tiêu chí này, Công ty phải có quan hệ tốt, có uy tín với các ngân hàng lớn, có thương hiệu quốc tế để bảo đảm việc thanh khoản được nhanh chóng tiện lợi, hàng hóa phải bảo đảm ổn định về chất lượng, giá cả để tạo uy tín và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng.

d. Chính sách bán hàng

- Khách hàng chủ yếu của Công ty là các nhà máy cán tôn, cán xà gồ ở TP.HCM và các tỉnh thành trong cả nước. Mỗi khách hàng có những lợi thế riêng, họ có hệ thống phân phối riêng và có những nhu cầu rất khác nhau. Công ty thấu hiểu nhu cầu này nên chính sách tiêu thụ hết sức linh hoạt và uyển chuyển phù hợp với từng khách hàng.
- Ngoài yếu tố chất lượng sản phẩm tốt, giá cả hợp lý, Công ty cũng có những ưu đãi đối với đại lý như cấp tín dụng cho khách hàng (bán hàng gói đầu). Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng là khác nhau tùy thuộc vào uy tín và khả năng tài chính của từng khách hàng. Chính sách ưu đãi của Công ty đối với các đại lý cụ thể như: tăng chiết khấu bán hàng, tăng hạn mức tín dụng, quà tặng, v.v...
- Với những nét đặc thù nêu trên, chính sách giá cả của Công ty hết sức linh hoạt. Giá bán hàng thông thường theo bảng giá Công ty, đại lý được hưởng chiết khấu bán hàng. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện cụ thể về thanh toán, về giao nhận hàng, Công ty sẽ có mức chiết khấu hợp lý. Trong điều kiện có biến động về giá do ảnh hưởng thị trường quốc tế hoặc trong nước, lãnh đạo Công ty sẽ có những quyết định điều chỉnh phù hợp.

e. Tiếp thị sản phẩm

- Với chiến lược cho chất lượng sản phẩm tốt, giá cả hợp lý và hậu mãi chu đáo, trong thời gian qua thương hiệu DTLS đã được nhiều khách hàng biết đến nên chi phí cho hoạt động tuyên truyền, quảng cáo của Công ty là không lớn.
- Tuy nhiên, để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty cũng đang tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu bằng nhiều hình thức như: tham gia các kỳ triển lãm hội chợ trong và ngoài nước; lắp dựng bảng/biểu ngữ quảng cáo ngoài trời; kết hợp quảng cáo bằng hiệu đại lý; đăng quảng cáo trên báo, tạp chí, truyền hình; dán logo, thương hiệu trên các xe của công ty ...; tặng phẩm của Công ty như: Bộ bình trà, bình cắm hoa, quần áo thể thao, đồng hồ, bút bi ... có in logo, thương hiệu Đại Thiên Lộc – DTLS.

- Các hội chợ/ triển lãm mà Công ty đã tham gia như:
 - Hội chợ Vietbuild 2006, 2007, 2008, 2009;
 - Hội chợ Việt Nam Hội nhập kinh tế Quốc tế (Sao vàng Đất Việt) 2009 tổ chức tại Hà Nội;
 - Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao và XNK tổ chức tại Phnôm Pênh (Campuchia) năm 2007, 2008;
 - Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Lào tổ chức tại Vientian (Lào) năm 2008 ;
 - Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam – Myanmar tổ chức tại Yangon (Myanmar) năm 2009.
- Ngoài ra, Công ty cũng có tham gia các hoạt động xã hội như:
 - ❖ Năm 2008
 - Ủng hộ kinh phí xây dựng 05 căn nhà tình nghĩa: 01 căn tại Phú Cát - Bình Định, 02 căn tại Dầu Tiếng - Bình Dương, 02 căn tại Long Mỹ- Hậu Giang với số tiền là 225 triệu đồng;
 - Ủng hộ đồng bào bị bão lũ ở phía Bắc với số tiền là 70 triệu đồng;
 - Ủng hộ Quỹ khuyến học Bình Dương, Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ Bình Dương, Quỹ hỗ trợ tài năng trẻ Việt Nam và Học bổng Sao vàng Đất Việt với số tiền là 30 triệu đồng;
 - Ủng hộ các gia đình khó khăn tỉnh Bình Dương, Quỹ vì người nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu với số tiền là 22 triệu đồng;
 - Tài trợ chính Giải vô địch quần vợt nữ toàn quốc năm 2008 tổ chức tại thị xã Tây Ninh với số tiền là 70 triệu đồng;
 - Tài trợ chính cho Chương trình tuyên dương 100 thương hiệu, sản phẩm tiêu biểu Việt Nam 2008 với số tiền là 70 triệu đồng;
 - Tặng Quỹ khuyến học Trường Lê Văn Tám quận Bình Thạnh, TP. HCM số tiền 50 triệu đồng.
 - ❖ Năm 2009
 - Ủng hộ kinh phí xây dựng 05 căn nhà tình nghĩa là 190 triệu đồng;
 - Ủng hộ đồng bào bị bão lụt ở miền Trung và Tây Nguyên với số tiền là 100 triệu đồng;
 - Ủng hộ kinh phí xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ tại huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định số tiền là 150 triệu đồng;
 - Tài trợ chính Chương trình ca nhạc "Thương về Miền Trung" gây Quỹ ủng hộ đồng bào miền Trung và Tây Nguyên bị thiệt hại do cơn bão số 9;
 - Ủng hộ cho Chương trình Nghĩa tình đồng đội do Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Bình Định tổ chức với số tiền là 10 triệu đồng.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo Công ty:



- Mô tả logo:

- Hình oval với những nét màu xanh (màu xanh là màu nước vì 3/4 trái đất là nước) mô phỏng hình dáng quả địa cầu;
- Ba chữ Đại Thiên Lộc viết tắt thành DTL màu đỏ, được cách điệu nằm trên quả địa cầu, chữ D bao quanh quả địa cầu với nét đứng nằm nghiêng như trục quay của quả địa cầu. Chữ T và L là những con đường đi đến phát triển, hội nhập. Ý nghĩa là công ty mong muốn phát triển, mở rộng kinh

doanh xuất nhập khẩu sang nhiều nước trên thế giới, khẳng định chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế theo phương châm "Ổn định – Hội nhập – Phát triển – Toàn cầu";

- Dưới hình chính là chữ DTLS màu xanh và dòng chữ đầy đủ Đại Thiên Lộc màu đỏ. Màu xanh là màu của sự mong ước, hi vọng và cũng là màu có tính cách của tập đoàn, tạo ra sự bình ổn. Màu đỏ là màu thu hút chú ý, thích hợp cho việc bán hàng. Màu đỏ cũng thể hiện tính năng động, niềm khát khao thành công và đạt được mục tiêu. Màu đỏ còn là màu của ý chí, niềm đam mê, cũng như sức mạnh của ý chí, là màu của người người đi đầu trong lĩnh vực sáng tạo.
- Ý nghĩa logo: Đại Thiên Lộc mong muốn được hợp tác lâu dài (ổn định) với tất cả mọi người, mọi khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Thương hiệu Đại Thiên Lộc hướng đến tương lai, đồng hành cùng đối tác để tạo "Dựng Tương Lai" trên cơ sở mọi người cùng có lợi (viết tắt ba chữ Đại Thiên Lộc và Dựng Tương Lai là DTL).
- Nhân hiệu Công ty đã được đăng ký độc quyền số 105689 theo Quyết định số: 14383/QĐ-SHTT, ngày 23/07/2008 do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp.
- Thời gian bảo hộ: Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn 28/04/2006 (có thể gia hạn).
- Danh mục sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu:
 - Nhóm 06: Thép lá mạ kẽm, mạ màu và mạ hợp kim; tôn kẽm (tôn lạnh); tôn lợp; cấu kiện xây dựng bằng sắt thép; khung nhà kho bằng sắt.

6.10 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 14: Các hợp đồng lớn mua/nhập khẩu nguyên vật liệu trong và ngoài nước của Công ty trong năm 2009

STT	Đối tác	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu thực hiện	Giá trị (VND)
1.	GLOBAL STEEL PHILIPPINES (SPV-AMC).INC.	Thép lá không hợp kim, cán nguội chưa phủ sơn tráng mạ dạng cuộn dùng làm nguyên liệu sản xuất	18-06-2009	31.486.099.293
2.	INTERGATE AG FISCHERGASSE 1 CH-6362 STANSSTAD SWITZERLAND.	Thép lá không hợp kim, cán nóng chưa phủ sơn tráng mạ dạng cuộn dùng làm nguyên liệu sản xuất	01-06-2009	22.277.848.810
3.	PROSPERITY TIEH ENTERPRISE CO.,LTD (Đài Loan)	Thép lá không hợp kim, mạ hợp kim nhôm kẽm dạng cuộn dùng làm nguyên liệu sản xuất	24-04-2009	17.608.822.957
4.	Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Gia Kim	Kẽm thỏi SHG 99,995%	16-09-2009	3.440.225.516
5.	Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Gia Kim	Kẽm thỏi SHG 99,995%	21-08-2009	6.511.748.000
Tổng cộng				81.324.744.576

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Bảng 15: Các hợp đồng lớn về bán sản phẩm trong nước của Công ty trong năm 2009

STT	Đối tác	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu thực hiện	Giá trị (VND)
-----	---------	----------	-----------------------------	---------------

STT	Đối tác	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu thực hiện	Giá trị (VND)
1.	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Thép cán nóng	25/03/2009	11.232.750.000
2.	CTCP Hữu Liên Á Châu	Thép lá đen cán nguội	26/03/2009	3.200.800.000
3.	Cty TNHH SX TM DV An Tuấn	Thép cán nóng	07/04/2009	18.480.000.000
4.	Cty TNHH SX – TM Thép Nguyễn Minh	Thép lá mạ kẽm	07/04/2009	6.309.342.000
5.	Cty TNHH Thép Việt Thanh	Thép cán nóng	28/05/2009	17.100.000.000
6.	Cty CP Thép Việt Thành Long An	Thép cán nóng dạng cuộn	18/06/2009	28.243.200.000
7.	Cty Thép Tấm lá Phú Mỹ	Thép lá cán nóng dạng cuộn	30/06/2009	21.353.220.000
8.	CN Cty TNHH Ông Thép Hòa Phát	Thép lá mạ kẽm	03/08/2009	11.461.600.000
9.	Cty TNHH TM SX Á Châu Quang Vinh	Thép lá mạ HK AL-ZN...	04/08/2009	7.213.000.000
10.	HTX Cơ khí - Thương mại 2/9	Thép lá cán nóng dạng cuộn	15/10/2009	3.337.462.500
Tổng cộng				127.931.374.500

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Bảng 16: Các hợp đồng lớn về xuất khẩu sản phẩm của Công ty trong năm 2009

STT	Đối tác	Sản phẩm	Thời gian bắt đầu thực hiện	Giá trị (USD)
1.	ISI STEEL CO.,LTD (Campuchia)	Thép lá không hợp kim, mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm chưa phủ sơn dạng cuộn	13/07/2009	978.020
2.	FUJI TRADING CO., LTD (Nhật)	Thép lá không hợp kim, mạ kẽm chưa phủ sơn dạng cuộn	10/08/2009	283.500
3.	KYODO CO.,LTD (Nhật)	Thép lá không hợp kim, mạ kẽm chưa phủ sơn dạng cuộn	10/07/2009	960.000
4.	TANG MENG RATH SELLING STEEL PRODUCT CO., LTD (Campuchia)	Thép lá không hợp kim, cán nóng, chưa phủ tráng mạ, dạng tấm	20/08/2009	355.081
5.	LAO NGAMIMPORT - EXPORT COMPANY (Lào)	Thép lá không hợp kim, mạ kẽm chưa phủ sơn dạng cuộn	10/06/2009	366.000
6.	C.K.B. PLATE STEEL CO., LTD (Thái Lan)	Thép lá không hợp kim, mạ kẽm chưa phủ sơn dạng cuộn	22/06/2009	304.500
Tổng cộng				3.247.111

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng từ năm 2008 – cuối quý 1/2009 nhưng Công ty vẫn có kết quả kinh doanh hiệu quả với tốc độ tăng trưởng về tổng tài sản, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế ổn định, năm sau cao hơn năm trước, lần lượt là 102,32%, 27,58% và 42,20% trong năm 2009.

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 6T cuối 2007 – Q1/2010

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	6T cuối 2007	2008 (sau khi hồi tố)	2009	Q1/2010
1	Tổng giá trị tài sản (*)	704.840	728.395	1.473.745	1.753.198
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	-	3,34%	102,32%	-
2	Doanh thu thuần	514.126	1.201.054	1.532.329	463.539
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	-	-	27,58%	106,97%
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	30.741	110.734	138.242	64.750
4	Lợi nhuận khác	44	1.732	(1.214)	670
5	Lợi nhuận trước thuế	30.786	112.467	137.027	65.420
6	Lợi nhuận sau thuế	27.897	94.085	133.792	62.686
7	Vốn thực góp	132.190	253.000	388.000	388.000
8	Tỷ lệ cổ tức /vốn điều lệ (%)	15%	45%	30%	-

Nguồn: BCKT 6T cuối 2007, 2008, BCKT hợp nhất 2009 và BCTC hợp nhất Q1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Ghi chú:

- (*) Tổng giá trị tài sản đầu kỳ của BCKT hợp nhất 2009 là 728.395 triệu đồng do sự điều chỉnh khoản trích lập giảm giá hàng tồn kho.
- Cổ tức năm 2007: 15% đều được chi bằng tiền mặt.
- Cổ tức năm 2008: 45% đều được chi bằng tiền mặt.
- Cổ tức năm 2009: 5% bằng tiền mặt đã được tạm ứng và còn lại 25% bằng cổ phiếu sẽ được Hội đồng quản trị triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/04/2010.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi

- Với các chính sách kích cầu của Chính phủ, trong những tháng đầu năm 2009, nhiều doanh nghiệp ngành thép, trong đó có Đại Thiên Lộc, đã được lợi khi vừa tiêu thụ được hàng tồn kho, vừa tăng được giá bán.
- Hàng loạt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư bất động sản... đã được khởi động, đẩy nhu cầu thép tăng cao, kích thích sản xuất, phục hồi hoạt động của ngành thép trong nước.
- Một số chính sách tài chính tích cực được Chính phủ và các cơ quan hữu trách thực thi để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu thép trong đó có: tăng thuế nhập khẩu phôi thép từ 2% đầu năm 2009 lên 5% và gần đây nhất, từ ngày 01/04/2009 áp dụng thuế suất 8% đối với mặt hàng này; tăng thuế nhập khẩu thép xây dựng từ 12% lên 15%; biện pháp kìm hãm tỷ giá giữa VND/USD ...

Điều này sẽ hạn chế vấn đề cạnh tranh với các sản phẩm thép của nước ngoài như Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia ... tại thị trường trong nước.

- Hiệu quả của chính sách kích cầu của Chính phủ đối với các doanh nghiệp thép, trong đó có Đại Thiên Lộc, đã được chứng minh bằng mức tiêu thụ trong những tháng đầu năm 2009 tăng cao hơn so với năm 2008 và việc vay vốn với lãi suất ưu đãi 4%/năm để tiếp tục triển khai các dự án đầu tư, mở rộng sản xuất.

b. Khó khăn

- Một trong những khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp thép là đối mặt với tính mùa vụ của ngành trong những tháng cuối năm. Đây là do ảnh hưởng của mùa mưa bão đẩy mức tiêu thụ thép xuống thấp.
- Ngoài ra, giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu như dầu, than... đang và tiếp tục tăng cao.
- Cuộc khủng hoảng năm 2008 đã khiến cho nhiều doanh nghiệp thép lâm vào tình trạng chung là ứ đọng hàng tồn kho với khối lượng lớn do nhu cầu tiêu thụ thép sụt giảm đáng kể. Điều này đã đòi hỏi các doanh nghiệp phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến giá vốn hàng bán bị đẩy lên cao, khiến cho các doanh nghiệp càng thêm căng thẳng.
- Tuy nhiên, Công ty đã áp dụng một vài chính sách để thích nghi với tình hình thị trường như kiểm soát và hạn chế tối đa chi phí sản xuất lưu thông; giảm giá thành sản phẩm.
- Ngoài ra, lượng nguyên vật liệu ứ đọng mà các doanh nghiệp thép đã mua với giá rẻ trong năm 2008 đã kịp đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tăng cao trở lại trong những tháng đầu năm 2009.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty có khả năng cạnh tranh xuất khẩu sản phẩm sang thị trường Trung Đông (Arab Saudi, UAE...), Bangladesh, Pakistan, Madagasca, Kenya, Congo, Sudan, Gambia, Peru, Colombia ... và các nước ASEAN (Indonesia, Malaysia, Myanmar, Thái Lan...), ngoài 2 thị trường truyền thống là Lào và Campuchia – 2 quốc gia mà những doanh nghiệp thép khác luôn nhắm đến.
- Sản phẩm chủ lực của Công ty là tôn mạ kẽm và mạ màu lại chính là một trong những sản phẩm thép thu hút khách hàng trong và ngoài nước do có nhiều ưu điểm (chất lượng tốt hơn, quy cách hàng hóa đa dạng hơn thỏa mãn nhu cầu khách hàng, giá xuất khẩu cạnh tranh hơn do lãi trên một tấn hàng ít hơn nhưng bù lại xuất khẩu với số lượng nhiều hơn).
- Ngoài ra, sản phẩm mạ kẽm có độ dày dưới 0,2mm không được nhiều doanh nghiệp trong nước sản xuất do sản phẩm này khó sản xuất hơn hàng dày (trên 0,2mm) vì tôn quá mỏng khó kiểm soát độ mạ, bóng kẽm, tôn dễ bị đứt đoạn, mất nhiều thời gian ngừng máy xử lý, chi phí sản xuất tăng cao... Để chạy quy cách này công nhân cần phải được huấn luyện kỹ lưỡng, vận hành thuần thục dây chuyền, có kinh nghiệm xử lý sự cố...).
- Có khả năng quản lý chi phí sản xuất tốt do đó tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu của Công ty luôn được duy trì ổn định ở mức khoảng 80%, thấp hơn so với của một số doanh nghiệp sản xuất thép khác. Điều này có thể đạt được là do Công ty đã chấp nhận đầu tư lớn vào các máy móc, công nghệ hiện đại không những thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất mà còn giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và cho ra sản phẩm chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu cao đối với ngay cả khách hàng quốc tế.
- Có uy tín và được các tổ chức tín dụng/ngân hàng hỗ trợ vốn khi cần thiết ...

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

a. Tổng quan ngành thép Việt Nam

- Ngành thép luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

- Năm 2009, ngành thép trở thành một trong số ít ngành công nghiệp nặng có tốc độ tăng trưởng hai con số: sản xuất tăng 25%, tiêu thụ tăng hơn 30% so với năm 2008 (đối với thép xây dựng). (Nguồn: Báo Vneconomy)
- Sản xuất và tiêu thụ thép của hầu hết các công ty trong Hiệp hội thép Việt đều duy trì được mức tăng trưởng cao so với năm 2008 (đặc biệt là các công ty sản xuất thép xây dựng đã có mức tăng trưởng tiêu thép trên 40% so với năm 2008). (Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)
- Về giá: Những tháng đầu năm 2009, giá thép đã giảm sâu. Sau đó, giá phôi thép liên tục tăng khi nền kinh tế Thế giới đã có những dấu hiệu phục hồi. Hiện nay, giá thép trong nước dao động từ 11,2 triệu đến 11,7 triệu đồng/tấn (chưa bao gồm VAT). Theo báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất tiêu thụ thép năm 2009 và dự kiến kế hoạch năm 2010 của VSA, giá thép từ nay đến cuối năm tiếp tục tăng nhưng sẽ không tăng đột biến.
- Về sản lượng: Trong 9 tháng đầu năm 2009, các thành viên trong Hiệp hội Thép Việt đã sản xuất 2,9 triệu tấn thép xây dựng, trong khi mức tiêu thụ của cả nước là 3,05 triệu tấn, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2008. Theo Thống kê, tổng sản lượng tiêu thụ thép trong nước cho cả năm 2009 sẽ là 5,2 triệu tấn, tăng 28% so với năm trước.
- Về thị trường xuất khẩu: Các doanh nghiệp thép cũng chỉ mới xuất được sang một số thị trường quanh Việt Nam như Campuchia, Lào, Myanmar, số lượng cũng chưa nhiều. Mục tiêu của Chính phủ đề ra là phải tiếp tục vươn tới những thị trường xa hơn như Châu Phi, Trung Đông và những thị trường khác nữa. Để đạt được mục tiêu này, phụ thuộc khá lớn vào công nghệ thiết bị tiên tiến, quy mô nhà máy lớn, đạt hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí sản xuất để cho sản phẩm chất lượng tốt nhưng với giá thành thấp nhất thì mới có thể cạnh tranh.
- Trong giai đoạn kinh tế thế giới khủng hoảng, giá thép biến động mạnh, các doanh nghiệp trong ngành đã tận dụng thời cơ, chủ động bắt đáy nguyên vật liệu giá rẻ.

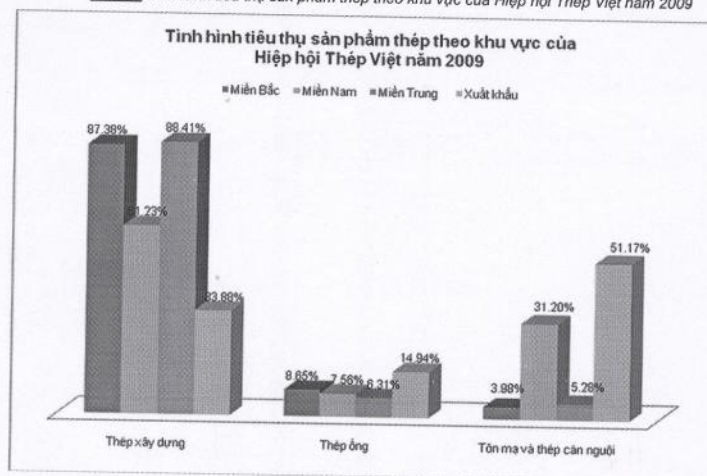
Bảng 18: Tình hình sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng, thép ống, tôn mạ và thép cán nguội của Hiệp hội Thép Việt năm 2009

Đvt: tấn

Chi tiêu	Sản xuất	Tiêu thụ				Tổng tiêu thụ	%	Tồn kho
		Bắc	Nam	Trung	XK			
Thép xây dựng	4.123.865	2.141.989	1.443.849	447.301	98.549	4.127.688	73,69%	226.536
Thép ống	473.112	211.960	178.377	31.920	43.460	465.717	8,31%	18.534
Tôn mạ + Thép cán nguội	1.297.467	97.487	735.823	26.702	148.833	1.007.854	17,99%	56.851
Tổng cộng	5.894.444	2.451.436	2.385.049	505.923	290.842	5.601.239	100,00%	301.921

Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam

Hình 6: Tình hình tiêu thụ sản phẩm thép theo khu vực của Hiệp hội Thép Việt năm 2009



- Với tình hình tiêu thụ thép và mức độ tăng giá trong thời gian của thị trường thì các doanh nghiệp trong ngành thép có khả năng hoàn thành kế hoạch đề ra về doanh thu và lợi nhuận nhờ vào việc tích trữ lượng hàng tồn kho giá rẻ từ các tháng trước.
- Theo nhận định của VSA, dự kiến năm 2010, ngành thép tiếp tục có sự tăng trưởng do tác động của các biện pháp kích cầu của Chính phủ trong năm 2009. Sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng và các sản phẩm thép khác tăng từ 10 - 12% so với năm 2009. Dự kiến cung ứng phôi thép vuông cho sản xuất thép xây dựng trong nước đáp ứng khoảng 60% nhu cầu trong nước.
- Theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thép của Chính phủ thì đến năm 2010, ngành thép sẽ trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm trong nền kinh tế quốc dân với tốc độ sản xuất thép cán và phôi thép tăng trưởng bình quân lần lượt là 10%/năm và 15%/năm.

Tình hình sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thép dự kiến năm 2010 của Hiệp hội Thép Việt Nam

TT	Sản phẩm	Năm 2009	Dự kiến năm 2010	So với 2009 (%)
I	Phôi thép	2.210.000	2.652.000	20
II	Sản xuất thép thành phẩm	5.894.548	6.601.000	12
1.	Thép xây dựng	4.123.967	4.618.000	12
-	Thép thanh	3.266.029	3.657.000	12
-	Thép cuộn	802.687	899.000	12
-	Thép hình	55.251	61.881	12
2.	Cuộn cán nguội	481.248	625.622	30
3.	Ông thép hàn	473.112	529.885	12
4.	Tồn mạt kẽm & Sơn phủ màu	816.221	914.167	12

TT	Sản phẩm	Năm 2009	Dự kiến năm 2010	So với 2009 (%)
III	Nhập khẩu	9.807.799	11.002.000	12,2
	1. Phôi	2.394.660	2.634.000	10
	2. Sản phẩm dẹt	5.273.663	5.801.000	10
	3. Thép phế	2.139.476	2.567.000	20
IV	Xuất khẩu	343.685	385.020	12
	1. Phôi	-	-	
	2. Thép xây dựng	114.185	128.000	12
	3. Cán nguội	38.859	43.520	12
	4. Ống thép hàn	28.370	31.800	12
	5. Tôn mạ kim loại	162.271	181.700	12

(Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam)

b. Triển vọng phát triển sản phẩm thép dẹt (thép cán nguội, cán nóng, tôn mạ kẽm, mạ màu)

- Nước ta chủ yếu mới chỉ sản xuất được thép xây dựng, còn các sản phẩm thép dẹt nói chung hầu hết vẫn phải nhập khẩu.
- Mặc dù thị trường tiêu thụ sản phẩm thép dẹt lớn nhưng các doanh nghiệp trong ngành không đủ nguồn lực để tập trung phát triển. Năng lực sản xuất trong nước chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu tiêu thụ cả nước, trong khi nhu cầu tiêu thụ thép dẹt ngày càng tăng cao trong vài năm trở lại đây, chiếm tới gần một nửa tổng nhu cầu hàng năm. (Nguồn: Cổng thông tin kinh tế Việt Nam và Thế giới)
- Trừ vài nhà máy thép cán nguội như Nhà máy Thép tấm lá Phú Mỹ (Tổng Công ty Thép Việt Nam), Tôn Hoa Sen, Sunsteel đều là thành viên của Hiệp hội Thép Việt ... thì tất cả các sản phẩm cán nóng, cán nguội và tấm lá khác đều phải nhập khẩu. (Nguồn: Cổng thông tin kinh tế Việt Nam và Thế giới)
- Dự báo thời gian tới sẽ có sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu tiêu thụ sản phẩm giữa thép xây dựng và thép dẹt do nhu cầu phát triển các ngành công nghiệp nặng tăng cao mặc dù thép xây dựng chiếm phần lớn tổng tiêu thụ toàn ngành. (Nguồn: Cổng thông tin kinh tế Việt Nam và Thế giới)
- Cũng theo Hiệp hội Thép Việt Nam, nhu cầu thép tấm lá cả nước sẽ có mức tăng trưởng dự báo là 20%/năm. Hiện thép tấm chiếm 45% trong tổng nhu cầu thép của Việt Nam, còn thép xây dựng là 55%. Ở các nước công nghiệp phát triển, thép tấm lá chiếm 55% còn thép xây dựng là 45%.
- Sản phẩm tôn mạ được tiêu thụ mạnh nhất tại khu vực miền Nam với sản lượng tiêu thụ là 264.080 tấn, chiếm 61% thị phần của cả nước và xuất khẩu.

Bảng 19: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ tôn mạ của Hiệp hội Thép Việt năm 2009

Đvt: tấn

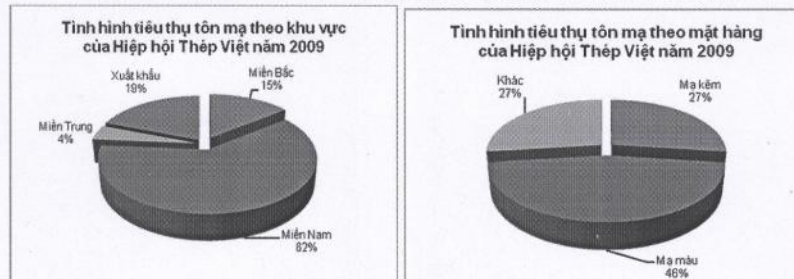
Khối DN	Sản xuất	Khu vực							TỔNG tiêu thụ	% Thị phần	Tồn kho
		Bắc	Nam	Trung	XK	Mạ kẽm	Mạ màu	Khác			
CP Hoa Sen	235.408	-	158.925	-	-	41.998	79.584	37.343	158.925	26,01	8.888
Sun Steel	121.024	-	28.763	-	60.377	-	36.441	52.699	89.140	14,59	-

Khối DN	Sản xuất	Khu vực			Tiêu thụ				Tổng tiêu thụ	% Thị phần	Tồn kho
		Bắc	Nam	Trung	XK	Mạ kẽm	Mạ màu	Khác			
Tôn											
Phượng Nam	121.760	22.930	39.115	11.170	1.045	22.380	51.880	-	74.260	12,16	5.300
Perstima Việt Nam	54.143	2.512	36.602	-	16.184	-	-	55.298	55.298	9,05	4.731
Blue Scope Steel	51.948	6.608	7.933	1.811	36.730	30.329	22.553	-	52.882	8,66	3.136
Nam Kim	59.095	7.512	28.843	6.321	2.857	20.768	24.765	-	45.533	7,45	2.969
LD Posvina	66.338	12.797	21.900	3.649	4	6.712	31.638	-	38.350	6,28	1.932
CP Lilama HN	29.285	22.149	-	-	880	8.185	14.844	-	23.029	3,77	3.579
Tôn Phước Khanh	28.620	-	25.220	-	-	25.220	-	-	25.220	4,13	5.400
SGC	25.879	-	25.367	-	-	7.957	-	17.410	25.367	4,15	-
Tôn Việt Pháp	17.102	14.509	-	2.951	-	518	16.942	-	17.460	2,86	1.990
LD Nippovina	5.819	-	5.470	-	-	887	2.493	2.090	5.470	0,90	1.222
Tổng cộng	816.221	89.017	376.138	26.702	118.077	164.954	281.140	164.840	610.934	100	39.147

Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam

Ghi chú: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc không thuộc Hiệp hội Thép Việt Nam.

Hình 7: Tình hình tiêu thụ tôn mạ theo khu vực và theo mặt hàng của Hiệp hội Thép Việt năm 2009



Bảng 20: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ thép cán nguội của Hiệp hội Thép Việt năm 2009

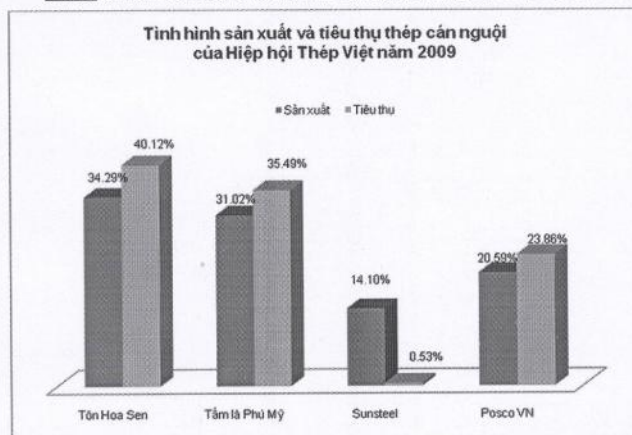
Đvt: tấn

Thép cán nguội	Sản xuất	Tiêu thụ				Tổng tiêu thụ	% Thị phần	Tồn kho
		Bắc	Nam	Trung	XK			
Tôn Hoa Sen	165.013	-	159.242	-	-	159.242	40,12	424
Tấm lá Phú Mỹ	149.280	-	140.851	-	-	140.851	35,49	-
Sunsteel	67.855	-	1.122	-	985	2.107	0,53	-
Posco VN	99.100	8.470	56.480	-	29.770	94.720	23,86	17.280
Tổng cộng	481.248	8.470	357.695	-	30.755	396.920	100	17.704

Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam

Ghi chú: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc không thuộc Hiệp hội Thép Việt Nam.

Hình 8: Tình hình sản xuất và tiêu thụ thép cán nguội của Hiệp hội Thép Việt năm 2009



Nguồn: Hiệp hội Thép Việt Nam

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

- Việc Việt Nam gia nhập WTO đã tạo ra nhiều cơ hội tốt cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Đại Thiên Lộc nhằm phát triển và bắt nhịp với tình hình tăng trưởng kinh tế cao trên toàn Thế giới. Tuy nhiên, từ đây, Công ty cũng phải đối mặt với nhiều thử thách và sự cạnh tranh to lớn từ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Điều này đòi hỏi Đại Thiên Lộc phải luôn luôn không ngừng phát triển và nâng cao vị thế thương hiệu với những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thép ngày càng tăng cao để có thể cạnh tranh với các đối thủ khác.
- Dự án sắp tới tại KCN Sóng Thần III được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu về đầu tư và phát triển công nghiệp thép nói chung tại khu vực và nhu cầu tiêu thụ thép là cán nguội nói riêng, một sản phẩm mà hiện nay hầu hết các doanh nghiệp thép trong nước vẫn đang phải nhập khẩu 100% từ các nước khác trên thế giới. Đồng thời, việc đầu tư xây dựng các nhà máy mới của Công ty tại KCN Sóng Thần III - KCN phù hợp với định hướng phát triển của Đại Thiên Lộc và cả của tỉnh Bình Dương cũng như quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Nhằm từng bước triển khai thực hiện dự án Khu liên hợp sản xuất thép thuộc KCN Sóng Thần III, Đại Thiên Lộc đang tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản như: ứng dụng công nghệ thông tin để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc; áp dụng quy trình sản xuất tinh gọn (lean manufacturing); nghiên cứu giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh; chú trọng bảo vệ môi trường và đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường.
- Ngoài ra, khu vực đầu tư xây dựng nhà máy mới nằm mặt tiền, tiếp giáp với hai đại lộ chính trong KCN Sóng Thần III thuận lợi cho việc xây dựng cũng như sản xuất và tiêu thụ thành phẩm, góp phần thúc đẩy sự phát triển cho khu vực nói chung và cho Đại Thiên Lộc nói riêng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm hiện tại là **358 người** với cơ cấu như sau:

Bảng 21: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc

TT	Phân loại lao động	Số lao động	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng	358	100
1	Hợp đồng lao động dài hạn	358	100
2	Hợp đồng lao động ngắn hạn	-	-
II	Phân theo giới tính	358	100
1	Lao động nam	316	88,27
2	Lao động nữ	42	11,73
III	Phân theo trình độ	358	100
1	Đại học, Cao đẳng	49	13,7
2	THCN	40	11,2
3	CNKT và trình độ khác	269	75,1

9.2 Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 7 giờ 30 phút sáng – 5 giờ chiều. Riêng công nhân sản xuất làm việc 3 ca/ngày.
- Tất cả CBCNV đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho CBCNV của Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

9.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

a. Chính sách tiền lương

- Công ty xây dựng Quy chế trả lương với mục đích khuyến khích người lao động tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, kết hợp hài hòa giữa lợi ích người lao động và Công ty, đảm bảo mức thu nhập tối thiểu và không hạn chế mức thu nhập tối đa của người lao động.
- Công ty thường điều chỉnh nâng lương cho người lao động phù hợp với điều kiện kinh tế.
- Công ty thực hiện khoán lương đến người lao động. Mức khoán căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế dựa trên cơ sở:
 - Mức tiêu hao kim loại, vật tư, điện năng, dầu D.O, thiết bị phụ tùng thay thế, sửa chữa tính trên số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn.
 - Doanh thu bán hàng, thu hồi công nợ hàng tháng.
 - Chỉ tiêu lợi nhuận hàng tháng.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, trợ cấp thôi việc và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.

b. Chính sách tiền thưởng

- Công ty có chính sách tiền thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, tết; Thưởng do hoàn thành kế hoạch và vượt mức chỉ tiêu; Thưởng do có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp hữu ích nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.
- Đặc biệt thưởng nóng khi cán bộ, nhân viên đạt doanh số/sản lượng bán hàng cao.
- Ngoài ra, Công ty còn có nhiều chế độ, chính sách ưu đãi đối với lao động giỏi, lao động có tính sáng tạo, bán hàng hiệu quả, có thời gian làm việc lâu năm... thông qua thang bảng lương và các chế độ khác mà pháp luật quy định.

c. Chính sách đào tạo, bổ trí, đề bạt

- Công ty rất chú trọng đến việc đào tạo và tái đào tạo để nâng cao tay nghề, kiến thức chuyên môn, kiến thức quản lý, ngoại ngữ v.v.... cho CBCNV.
- Công ty thường xuyên tổ chức đánh giá năng lực của CBCNV để bổ trí và tái bổ trí phù hợp với công việc đảm nhận.
- Có chế độ đãi ngộ xứng đáng để thu hút đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân có tay nghề cao.
- Tạo cơ hội thăng tiến cho những người lao động có năng lực, có phẩm chất, có đóng góp tích cực vào sự phát triển của Công ty. Đề bạt lên những vị trí quan trọng như : Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Trưởng phòng, Phó phòng, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng ca sản xuất ...

10. Chính sách cổ tức

- Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hằng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới. Dự kiến cổ tức trong các năm tới tối thiểu là 30%/năm.

Bảng 22: Tỷ lệ cổ tức 2009 – 2012 (dự kiến)

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012
Cổ tức trên mệnh giá (%)	30%	30%	30%	30%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Ghi chú: Cổ tức năm 2009 đã tạm ứng 5% bằng tiền mặt và 25% bằng cổ phiếu sẽ được thực hiện trong năm 2010 và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/04/2010.

11. Tình hình tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

a. Trích khấu hao TSCĐ

- TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính.

- Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

▪ Nhà cửa vật kiến trúc:	5 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị:	5 – 7 năm
▪ Thiết bị và dụng cụ quản lý	3 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ thí nghiệm	6 năm
▪ Tài sản cố định khác	3 năm

b. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2009 là hơn 3.000.000 triệu đồng/người/tháng và đến nay đã lên đến 3.700.000 đồng/người/tháng, tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của nhà nước.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Bảng 23: Số dư các quỹ

Đvt: đồng

Chi tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Quỹ đầu tư phát triển	2.858.510.594	2.858.510.594	2.858.510.594
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.903.869.837	-	-

Nguồn: BCKT 2008, BCKT hợp nhất 2009 và BCTC hợp nhất Q1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Đại hội cổ đông thường niên ngày 29/04/2010 đã thông qua việc trích lập các quỹ như sau và Công ty sẽ trích lập trong Báo cáo Tài chính quý 2/2010:

- Trích lập Quỹ khen thưởng:	971.035.000 đồng
- Trích lập Quỹ phúc lợi:	556.126.570 đồng
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển:	5.000.000.000 đồng
- Trích lập Quỹ dự phòng phát sinh thuế	1.903.869.837 đồng

f. Tổng dư nợ vay

Bảng 24: Tình hình dư nợ vay của Công ty đến thời điểm 31/03/2010

Đvt: Đồng

Chi tiêu	31/12/2008	31/12/2009	Q1/2010
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	183.076.607.661	540.907.545.358	665.245.080.641
NH Công thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương	10.117.832.653	70.665.349.400	72.896.335.176
NH Thương mại Cổ phần Quốc tế - CN Sài Gòn	4.536.323.666	36.124.145.012	110.715.484.335
NH Sài Gòn Thương tín – CN Gò Vấp	131.904.451.342	307.899.245.085	317.114.678.596
NH Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	36.518.000.000	44.302.644.023	79.225.388.904
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Bình Dương	-	81.916.161.838	143.113.057.733
NH HSBC	-	-	15.076.471.243
Vay ngắn hạn cá nhân	87.800.000.000	9.602.976.197	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.791.516.000	2.842.633.500	3.680.399.700
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	-	1.876.800.000	-
Tổng cộng	272.668.123.661	555.229.955.055	741.821.815.687

Nguồn: BCKT 2008, BCKT hợp nhất 2009 và BCTC hợp nhất Q1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Ghi chú: (*) Khoản vay các Ngân hàng với lãi suất theo thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hóa.

g. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu tại thời điểm 31/03/2010 của Công ty

Đvt: đồng

Chi tiêu	31/12/2007	31/12/2008 (sau khi hồi tố)	31/12/2009	Q1/2010
Phải thu khách hàng	66.674.307.313	69.478.441.038	63.571.787.739	80.824.077.273
Trả trước cho người bán	3.247.587.676	1.139.455.251	17.704.331.433	141.396.724.340
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	1.996.983.277
Các khoản phải thu khác	1.699.034.644	3.723.795.609	4.704.501.939	9.374.063.918
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(111.744.763)	(1.131.509.173)	(3.685.939.925)	(3.685.939.925)
Tổng cộng	71.509.184.870	73.210.182.725	82.294.681.186	229.905.908.884

Nguồn: BCKT 6T cuối 2007, 2008, BCKT hợp nhất 2009 và BCTC hợp nhất Q1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Bảng 26: Chi tiết các khoản phải trả tại thời điểm 31/03/2010 của Công ty

Đvt: đồng

Chi tiêu	31/12/2007	31/12/2008 (sau khi hồi tố)	31/12/2009	Q1/2010
Nợ ngắn hạn	539.948.65.922	359.102.756.209	786.671.002.563	1.001.240.147.107
Vay và nợ ngắn hạn	284.006.424.211	272.668.123.661	555.229.955.055	741.821.815.687
Phải trả người bán	221.316.307.667	39.271.931.106	180.513.236.514	82.823.253.539

Chi tiêu	31/12/2007	31/12/2008 (sau khi hồi tố)	31/12/2009	Q1/2010
Người mua trả tiền trước	4.507.724.323	5.119.542.750	4.638.195.635	120.305.590.707
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	24.610.720.389	23.666.479.750	41.008.675.053	47.523.980.141
Phải trả CBCNV	372.636.65	479.314.805	629.783.695	(297.892.345)
Chi phí phải trả	3.113.275.998	1.926.050.954	1.754.954.560	901.246.774
Phải trả nội bộ	-	-	-	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.920.977.269	15.971.313.183	2.896.202.051	8.162.152.604
Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	-	-	-	-
Nợ dài hạn	6.953.851.657	32.280.383.100	14.004.362.199	14.004.362.199
Vay và nợ dài hạn	6.939.185.077	31.948.510.000	13.672.489.099	13.672.489.099
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	14.666.580	331.873.100	331.873.100	331.873.100
Tổng cộng	546.801.917.579	391.383.139.309	800.675.364.762	1.015.244.509.306

Nguồn: BCKT 6T cuối 2007, 2008, BCKT hợp nhất 2009 và BCTC hợp nhất Q1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 6T cuối 2007 – Q1/2010

Chi tiêu	Đơn vị tính	6T cuối 2007 (*)	2008 (sau khi hồi tố)	2009	Q1/2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:					
TSNH/Nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,71	1,70	1,62
+ Hệ số thanh toán nhanh:					
(TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,22	0,37	0,19	0,32
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	77,58	53,73	54,33	57,91
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	345,99	116,07	118,99	137,58
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho:					
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	0,77	1,01	1,33	0,37
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,73	1,65	1,04	0,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,43%	7,83%	8,73%	13,52%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,96%	12,92%	9,08%	3,58%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	17,65%	27,90%	19,88%	8,49%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6T cuối 2007 (*)	2008 (sau khi hồi tố)	2009	QI/2010
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,98%	9,22%	9,02%	13,97%
Vốn điều lệ	tỷ đồng	132,1	253	388	388

Nguồn: BCKT 6T cuối 2007, 2008, BCKT hợp nhất 2009 và BCTC hợp nhất QI/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Ghi chú: (*) Bắt đầu từ tháng 6/2007 Đại Thiên Lộc mới chính thức ghi nhận doanh thu dưới dạng công ty cổ phần.

- Chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty qua các năm 2008 – QI/2010 đều duy trì ổn định. Tuy nhiên, do hàng tồn kho của Công ty qua các năm quá lớn chiếm khoảng trên 80% tài sản ngắn hạn, nhất là năm 2009 chiếm khoảng 88,73% nên dẫn đến khả năng thanh toán nhanh của Công ty trong năm này không được tốt so với các năm khác. Công ty luôn nỗ lực duy trì cơ cấu hàng tồn kho trong tài sản ngắn hạn để bảo toàn khả năng thanh toán của Công ty.
- Đối với chỉ tiêu về cơ cấu vốn thì hệ số Nợ/Tổng tài sản của Công ty là cân đối, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu trong các năm đều cao do nợ phải trả cao, tuy nhiên, đặc điểm của ngành thép là cần nguồn vốn vay lớn. Chính vì vậy, trong 2 năm 2008, 2009 Công ty đã tăng vốn lần lượt 155,56% và 53,36% và năm 2010 Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 540 tỷ đồng để cân đối nợ vay trên vốn chủ sở hữu bằng phương thức phát hành cổ phiếu trả 25% cổ tức còn lại của năm 2009 và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, CBCNV (phương án này đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 29/04/2010).
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty qua các năm đã cho thấy Công ty đã kinh doanh đạt hiệu quả trong các năm qua mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước gặp khủng hoảng. Tuy nhiên, vòng quay hàng tồn kho của Công ty tương đối chậm, đặc biệt là trong năm 2008 và 2009 do Công ty đã dứ trữ một khối lượng lớn hàng tồn kho với giá rẻ để đón đầu và nắm bắt xu hướng giá thép sẽ tăng theo sự phục hồi kinh tế sau đó. Mặc dù vậy, Công ty đã xác định đây chỉ là biện pháp để thích nghi với giai đoạn khủng hoảng kinh tế thế giới và sẽ cân đối lượng hàng tồn kho sau này để phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nguyên nhân dẫn đến vòng quay hàng tồn kho năm 2008 tăng cao so với năm 2007 là do Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho gần 15 tỷ đồng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng và khoản dự phòng này đã được hoàn nhập vào tháng 7/2009.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2009 nhìn chung thấp hơn so với của năm 2008, đặc biệt là hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản và hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu lần lượt giảm 1,3 và 1,4 lần. Đây là do lợi nhuận sau thuế năm 2009 mặc dù tăng hơn so với năm 2008 là 42,20% nhưng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cũng tăng lên rất nhiều lần lượt là 102,32% và 99,55%.
- Tóm lại, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty qua chỉ tiêu tài chính cho thấy Công ty có kết quả hoạt động kinh doanh tốt, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu vẫn luôn tăng trưởng trong 2 năm khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 và 2009 mặc dù Công ty cũng có những điểm đáng lưu ý về hàng tồn kho quá lớn dẫn đến khả năng thanh toán nhanh và vòng quay hàng tồn kho bị ảnh hưởng nhưng tình trạng này đã được cải thiện có thể thấy qua các hệ số tương ứng trong quý 1/2010.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa : Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

- Số chứng minh nhân dân : 022749812
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 27-11-1963
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phú Cát - Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 23/28 D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, TpHCM
- Số điện thoại liên lạc : 0903723725
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học
- Quá trình công tác :
 - Từ 1987 - tháng 03/1992: công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex;
 - Từ 1992 – 1993: Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM;
 - Từ 1993 – 2001: Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM;
 - Từ 2001 – tháng 05/2007: Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc ;
 - Từ tháng 06/2007 – nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Đại Thiên Lộc.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
- Số chứng khoán sở hữu: 10.775.782 cổ phần, chiếm 27,77 % vốn điều lệ
- Sở cổ phần của những người có liên quan:
 - Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên, sở hữu 5.745.420 cổ phần, chiếm 14,81% vốn điều lệ;
 - Con ruột: Nguyễn Thanh Loan, sở hữu 7.708.567 cổ phần, chiếm 19,87% vốn điều lệ;
 - Con ruột: Nguyễn Thanh Dung, sở hữu 2.335.049 cổ phần, chiếm 6,02% vốn điều lệ
 - Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng sở hữu 5.000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Bà Nguyễn Thị Bích Liên : Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

- Số chứng minh nhân dân : 020723726
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 08/06/1964
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 23/28 D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, TpHCM
- Số điện thoại liên lạc : 0903389175
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1984 – 1988: làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKT tại 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM;
 - Từ 1989 – 1999: nội trợ;

- Từ 2000 – 2005: Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc;
- Từ 2006 – nay: Thành viên HĐQT/Phó TGĐ CTCP Đại Thiên Lộc.
- Số chứng khoán sở hữu: 5.745.420 cổ phần, chiếm 14,81% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - Ông: Nguyễn Thanh Nghĩa, sở hữu 10.775.782 cổ phần, chiếm 27,77% vốn điều lệ;
 - Mẹ: Quách Thị Vinh, sở hữu 105.105 cổ phần, chiếm 0,271% vốn điều lệ;
 - Con ruột: Nguyễn Thanh Loan, sở hữu 7.708.567 cổ phần, chiếm 19,87% vốn điều lệ;
 - Con ruột: Nguyễn Thanh Dung, sở hữu 2.335.049 cổ phần, chiếm 6,02% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Ông Lê Anh Thi : Thành viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân : 024396843 cấp ngày 5/5/2005 tại TP. Hồ Chí Minh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/8/1976
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : M1.15 chung cư B5, phường 3, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0989 877 477
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 5/2008 – nay: Giám đốc Tư vấn – Phân tích, CTCP Chứng khoán Âu Việt;
 - Từ tháng 11/2005 – tháng 4/2008: Trưởng phòng Tư vấn Tài chính, Công ty Kiểm toán và Tư vấn PricewaterhouseCoopers;
 - Từ tháng 8/2004 – tháng 10/2005: Trưởng phòng Quy trình, CTCP Xây dựng Kiến trúc AA;
 - Từ tháng 3/2003 – tháng 6/2004: Cán bộ Đầu tư, Văn phòng Đại diện Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Mekong Capital;
 - Từ tháng 10/1998 – tháng 2/2001: Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán và Tư vấn PricewaterhouseCoopers.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Số chứng khoán sở hữu : Không
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - CTCP Chứng khoán Âu Việt: sở hữu 170.000 cổ phần, chiếm 0,44% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Ông Lê Bá Phương : Thành viên HĐQT

- Số chứng minh nhân dân : 025177456 Ngày cấp: 04/08/2009 Nơi cấp: Công an Bến Tre
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/11/1964
- Nơi sinh : Vĩnh Long - Vĩnh Linh -Quảng Trị
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phong Bình - Hương Điền - Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 90/5 Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0903925719
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại thương
- Quá trình công tác :
 - Từ 1984 – 1987: Tham gia nghĩa vụ quân sự;
 - Từ 1987 – 2004: NV và Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Đông lạnh Thủy sản Xuất khẩu Bến Tre;
 - Từ 2004 - nay : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP XNK Thủy sản Bến Tre
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần, chiếm 0,276% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - CTCP XNK Thủy sản Bến Tre: sở hữu 800.000 cổ phần, chiếm 2,06% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng : Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

- Số chứng minh nhân dân : 271310327 cấp ngày 11/ 05/1994 tại CA Tỉnh Đồng Nai
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1978
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : K88 phường Xuân Bình Thị Xã Long Khánh Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc : 0982286030
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung Cấp Thống Kê _Kế Toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 2001 – tháng 06/2007: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc;
 - Từ tháng 06/2007 – nay: Thành viên HĐQT/Phó TGĐ CTCP Đại Thiên Lộc .

- Số chứng khoán sở hữu: 67.900 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan :
 - Chồng: Lê Trần Du sở hữu 24.300 cổ phần, chiếm 0,063 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

12.2 Ban Kiểm soát

Bà Lê Hồng Nhung : Trưởng Ban Kiểm soát

- Số chứng minh nhân dân : 172258365
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22-05-1982
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thiệu Đò - Thiệu Hóa - Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Thiệu Đò - Thiệu Hóa - Thanh Hóa
- Số điện thoại liên lạc : 0977.799.286
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Từ 2004 - tháng 06/2007: Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng Công ty TNHH TM XD TT Phúc Tiến;
 - Từ tháng 7 - tháng 10 năm 2007: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc;
 - Từ tháng 11/2007 – 03/2010: Kế toán tổng hợp CTCP Đại Thiên Lộc
 - Từ tháng 03/2010 – nay: Trưởng BKS CTCP Đại Thiên Lộc
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng BKS
- Số chứng khoán sở hữu: 1.320 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Ông Phan Minh Hiền : Thành viên Ban Kiểm soát

- Số chứng minh nhân dân : 023276704
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/09/1978
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Long An

- Địa chỉ thường trú : 284/7/23 Lý Thường Kiệt P14 Q10 TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 0933886262
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Môi trường
- Quá trình công tác
 - Từ 2005 – 2006 : Phó Bí Thư Đoàn trường Kỹ thuật Công nghệ
 - Từ 2006 – 2009 : Chủ tịch Hội Sinh viên – Phó Bí thư Đoàn trường, chuyên viên Phòng Tuyển sinh trường Đại học Hoa Sen; chuyên viên PR công ty TNHH Kinh Bỏ
 - Từ 2009 – Nay : Nhân viên Phòng Kinh doanh công ty CP Đại Thiên Lộc
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
- Số chứng khoán sở hữu: 16.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
 - Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần
 - Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 16.000 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

Bà Võ Thị Mỹ Dung : Thành viên Ban Kiểm soát

- Số chứng minh nhân dân : 211833676
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 18-07-1986
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : Cát Tài-Phù Cát - Bình Định
- Số điện thoại liên lạc : 0902.416.226
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế Toán
- Quá trình công tác :
 - Từ 01-11-2007 – nay: Nhân viên kho thống kê CTCP Đại Thiên Lộc.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
- Số chứng khoán sở hữu : Không
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

12.3 Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa : Tổng Giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

Bà Nguyễn Thị Bích Liên : Phó Tổng Giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng : Phó Tổng Giám đốc (Xem chi tiết đã trình bày tại phần trên)

Bà Lâm Thị Kim Phượng : Phó Tổng Giám đốc

- Số chứng minh nhân dân : 310926113
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 19-09-1974
- Nơi sinh : Tiền Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Xuân Đông, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang
- Địa chỉ thường trú : 115 Ấp An Lạc Thượng, Xã Xuân Đông, Chợ Gạo, Tiền Giang
- Số điện thoại liên lạc : 098.2286035
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 2001 – 2007 : Nhân viên Kinh doanh tại Công ty TNHH Thép Thiên Lộc;
 - Từ 2008 – nay : Giám đốc CN CTCP Đại Thiên Lộc
 - Từ tháng 10/2009 – nay : Phó TGD CTCP Đại Thiên Lộc
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó TGD
- Số chứng khoán sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,026 % vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

12.4 Kế toán trưởng

Ông Vũ Thành Nam - Kế toán trưởng

- Số chứng minh nhân dân : 261318651
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15-05-1975
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Trung - Ý Yên - Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Nam Hà - Đông Hà - Đức Linh - Bình Thuận
- Số điện thoại liên lạc : 0982.286.051
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2004: Kế toán trưởng CTCP Hồng Dương, Kế toán trưởng CN Công ty XD&PTHT tại Nam Định;
 - Từ tháng 10/2004 – tháng 5/2006: Trợ lý GD Công ty TNHH Mỹ Nghệ Sài Gòn ARTS;
 - Từ tháng 7/2006 - tháng 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc;
 - Từ tháng 12/2007 – nay: Kế toán trưởng CTCP Đại Thiên Lộc
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
 - Số chứng khoán sở hữu: 25.745 cổ phần, chiếm 0,066 % vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

13.1 Tài sản cố định

Các tài sản chính của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2010 trên bảng Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

Bảng 28: Danh mục tài sản cố định hữu hình của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2010

Đvt: đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/03/2010
1	Nhà cửa vật kiến trúc	16.931.484.163	4.125.130.757	12.806.353.406
2	Phương tiện vận tải	20.279.761.483	2.723.645.233	17.556.116.250
3	Máy móc thiết bị	45.314.392.576	12.360.516.888	32.953.875.688
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	920.977.503	513.908.530	407.068.973
Tổng cộng		83.446.615.725	19.723.201.408	63.723.414.317

Nguồn: BCTC hợp nhất quý 1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Bảng 29: Các loại tài sản cố định vô hình của Công ty tính đến thời điểm 31/03/2010

Đvt: đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/03/2010
1	Quyền sử dụng đất	60.380.247.808	979.767.159	59.697.586.733
2	Phần mềm kế toán	91.299.000	74.276.520	-
Tổng cộng		60.471.546.808	1.054.043.679	59.417.503.129

Nguồn: BCTC hợp nhất quý 1/2010 của CTCP Đại Thiên Lộc

Ghi chú: Thông tin về các tài sản là đất đai, bất động sản của Công ty đang sử dụng và sở hữu như sau:

Danh mục	Chi tiết
1. Tên người sử dụng đất: CTCP Đại Thiên Lộc	- Nguyên giá: 49.139.520.078 đồng;
- Thửa đất số: 1 phần lô CN8	- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số: T000028/CN/2008 do UBND tỉnh Bình Dương cấp;
- Địa chỉ thửa đất: KCN Sóng Thần 3, xã	

Danh mục	Chi tiết
Tân Vinh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	Mục đích sử dụng: Đất KCN (SKK);
- Diện tích: 105.285 m ²	- Thời hạn sử dụng: 47 năm (kể từ ngày 19/03/2008 đến 31/12/2055);
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê lại đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN.
2. Tên người sử dụng đất: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Thép Thiên Lộc Tấn	- Nguyên giá: 8.400.600.700 đồng;
- Thừa đất số: 1036	- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: T00310/CN/05;
- Địa chỉ thửa đất: xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	- Mục đích sử dụng: Xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- Diện tích: 3.865,9 m ²	- Thời hạn sử dụng: 49 năm (kể từ ngày 07/06/2005 đến ngày 07/06/2054);
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển quyền sử dụng đất.
3. Tên người sử dụng đất: Công ty TNHH Đại Thiên Lộc	- Nguyên giá: 2.840.127.030 đồng;
- Thừa đất số: 1 phần Lô A	- Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: 1006QSDĐ/2001;
- Địa chỉ thửa đất: Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương	- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- Diện tích: 6.327 m ²	- Thời hạn sử dụng: 44 năm (kể từ ngày 12/09/2001 đến 12/2045);
	- Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê lại đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN.

13.2 Các tài sản đầu tư tài chính dài hạn

- Không có

14. Dự án đầu tư của Công ty

Danh mục	Chi tiết
Tên dự án: Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc	- Các dây chuyền thiết bị dự án: 01 dây chuyền tẩy rửa công suất 600.000 tấn/năm, 02 dây chuyền thép lá cán nguội công suất 200.000 tấn/năm; 01 dây chuyền nắn phẳng tôn, 02 dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm công suất 270.000 tấn/năm, 01 dây chuyền mạ màu công suất 85.000 tấn/năm, 01 dây chuyền mạ kẽm công suất 80.000 tấn/năm, 04 dây chuyền sản xuất ống thép, 02 dây chuyền xà băng, 02 dây chuyền chặt tấm, 01 dây chuyền cắt lá, 01 dây chuyền xén biên ...
- Giấy Chứng nhận đầu tư số: 46221000622 cấp ngày 23/12/2008;	- Diện tích đất sử dụng: 105.285m ² ;
- Địa điểm thực hiện: Lô CN8, đường N5, KCN Sóng Thần 3, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	- Tổng vốn đầu tư: 600 tỷ đồng, có thể tăng hoặc giảm 10%;
Ghi chú: Công suất các dây chuyền thiết bị đầu tư vào Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 thông qua ngày 29/04/2010).	- Thời hạn thực hiện dự án: 40 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đầu tư;
	- Tiến độ thực hiện dự án:
	▪ Đã xây dựng hoàn thiện nhà xưởng khoảng 50% ▪ Nhà văn phòng, đường giao thông nội bộ: sẽ tiến hành từ quý 2/2010 ▪ Các dây chuyền và máy móc: ✓ Đã được thanh toán ít nhất 10% giá trị hợp đồng (đa số đã thanh toán được 30%); ✓ Thời gian dự kiến thanh toán hết cho các hợp đồng: trễ nhất là tháng 7/2010; ✓ Thời gian dự kiến lắp ráp các dây chuyền: lần lượt từ tháng

Danh mục	Chi tiết
	6/2010 - tháng 12/2010
	✓ Thời gian dự kiến đi vào hoạt động: từ tháng 6/2010 -quý 1/2011
- Các ưu đãi thuế đối với dự án:	- Thuế TNDN hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh; 28% cho thời gian còn lại; - Được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.
- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo Quy định tại Nghị định số 149/2005/NĐ – CP ngày 06/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/06/2005.	

Hình 9: Dự án Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc



15. Chiến lược phát triển kinh doanh

❖ Mục tiêu/chiến lược phát triển kinh doanh

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững;
- Xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại;
- Xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;

❖ Phương pháp thực hiện mục tiêu/chiến lược phát triển kinh doanh

- Tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu, tăng nguồn vốn để đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Tân Uyên, Bình Dương;
- Đầu tư vào công nghệ tiên tiến, mua sắm và lắp đặt các dây chuyền sản xuất mới, cải tiến và nâng cấp các máy móc thiết bị cũ; nghiên cứu và áp dụng quy trình sản xuất tinh gọn;
- Tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm;

- Nâng cao tính hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm; đáp ứng tốt nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu;
- Ban hành các quy chế để điều hành và quản lý các mặt hoạt động trong Công ty, nâng cao trách nhiệm của mỗi người;
- Xây dựng chính sách nhân sự. Có chế độ đãi ngộ xứng đáng để thu hút người tài tham gia đóng góp vào sự phát triển của Công ty;
- Tái cấu trúc Công ty cho phù hợp với quy mô phát triển ngày càng lớn như hiện nay; đánh giá năng lực của từng cán bộ, tái bố trí công việc cho hợp lý; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý và khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ Thế giới; tạo cơ hội cho CBCNV phát huy tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển;
- Đầu tư vào công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc;
- Xây dựng khái niệm thương hiệu; tái thiết kế logo Công ty; xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu như đồng phục, bao bì sản phẩm, băng hiệu quảng cáo, poster, catalog, bao thư, giấy tiêu đề, danh thiếp, quà tặng v.v...; xây dựng phim quảng cáo; đăng báo quảng cáo; xây dựng các mối quan hệ cộng đồng, tổ chức sự kiện v.v...;
- Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại; tăng cường hoạt động marketing, hỗ trợ tích cực bộ phận kinh doanh để không ngừng gia tăng doanh số bán hàng v.v...;
- Lập thêm nhiều chi nhánh trong nước và tiến đến đặt văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở nước ngoài...

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010

Bảng 30: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty giai đoạn 2010

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010
Vốn điều lệ	540.000
Doanh thu thuần	2.000.000
% tăng trưởng doanh thu thuần	30,52%
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	250.000
% tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	86,86%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	12,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	46,30%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

> Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận:

- Phát hành cổ phiếu để trả 25% cổ tức còn lại của năm 2009, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV để tăng vốn điều lệ lên 540 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 29/04/2010.

- Tập trung vào hoạt động sản xuất, xuất khẩu sản phẩm sang một số thị trường mới, đặc biệt là xuất khẩu với khối lượng lớn sang Myanmar. Đồng thời, tăng tỷ lệ về sản lượng xuất khẩu tại các thị trường cũ lên 10%.
- Từ quý 2/2010, Công ty sẽ lắp đặt xong và đưa vào hoạt động 2 dây chuyền sản xuất chính tại Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc để đáp ứng kịp thời các đơn đặt hàng trong và ngoài nước của Công ty:
 - Dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục với công suất 80.000 tấn/năm: đóng góp khoảng 36 triệu USD (đã cộng phí vận chuyển) với 50% công suất;
 - Dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 85.000 tấn/năm: đóng góp khoảng 37 triệu USD (đã cộng phí vận chuyển) với 50% tổng công suất.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng dự kiến cho lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xả băng với công suất 60.000 tấn/năm và dây chuyền thép ống/hộp với công suất 30.000 tấn/năm.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Tuy là một doanh nghiệp thép có quy mô nhà máy khá khiêm tốn so với một số doanh nghiệp sản xuất thép có tên tuổi khác, nhưng Đại Thiên Lộc đã từng bước khẳng định thương hiệu của mình bằng uy tín, chất lượng và tiềm năng của sản phẩm thép tấm mạ kẽm, mạ màu ở thị trường trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia với giá trị cao.
- Ngoài ra, Đại Thiên Lộc cũng nhạy bén và có kinh nghiệm trong việc nắm bắt cơ hội, xu hướng thay đổi của thị trường thép thế giới và khai thác các thị trường xuất khẩu tiềm năng để có những quyết định đúng đắn, phù hợp. Điển hình là trong năm 2007 – 2009, Đại Thiên Lộc đã huy động vốn thành công đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và có sự chuyển hướng thành công về chiến lược kinh doanh từ tập trung sản xuất sang hoạt động thương mại nhằm thích nghi với giai đoạn khủng hoảng, đã mang đến hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn đạt mức tăng trưởng ổn định.
- Trong kế hoạch năm 2010:
 - Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 540 tỷ đồng để tài trợ cho dự án Khu liên hợp thép Đại Thiên Lộc và bổ sung vốn lưu động;
 - Mức tăng trưởng tiêu thụ thép dẹt toàn ngành là 20% và mục tiêu tăng trưởng GDP lên mức 5,5% của Việt Nam;
 - Sự đi vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm 80.000 tấn/năm và dây chuyền mạ màu 60.000 tấn/năm của Công ty đáp ứng kịp thời và đầy đủ các đơn đặt hàng với giá trị gia tăng từ các thị trường xuất khẩu hiện tại của Công ty và từ các thị trường mới như Myanmar, Châu Phi...;
 - Sự đi vào hoạt động của dây chuyền sản xuất thép lá cán nguội 200.000 tấn/năm sẽ đảm bảo được nguồn dự trữ nguyên vật liệu và phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty sẽ giảm thiểu chi phí sản xuất một cách đáng kể.
- Với những yếu tố trên, chúng tôi cho rằng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại Thiên Lộc là có tính khả thi nếu Công ty không gặp những rủi ro bất khả kháng tác động nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh.
- Với tỷ lệ cổ tức dự kiến của Công ty trong các năm tới là 30%, chúng tôi đánh giá phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Ghi chú: Những nhận xét trên chỉ nhằm mục đích tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Cam kết thực hiện kế hoạch và phương án tăng vốn điều lệ từ 388 tỷ đồng lên 540 tỷ đồng trong năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 29/04/2010, trong đó:
 - Trả 25% cổ tức còn lại năm 2009 bằng cổ phiếu, tương đương số lượng cổ phiếu phát hành là 9.697.500 cổ phiếu;

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:1, tương đương số lượng cổ phiếu phát hành là 4.848.750 cổ phiếu với giá phát hành 16.000 đồng/cổ phiếu;
 - Phát hành 653.750 cổ phiếu cho thành viên chủ chốt và cán bộ công nhân viên của Công ty với giá phát hành 16.000 đồng/cổ phiếu.
- Cam kết thực hiện phương án chào bán riêng lẻ 100.000 trái phiếu chuyển đổi với mệnh giá một trái phiếu là 1.000.000 đồng theo nguyên tắc xác định giá thị trường tại thời điểm phát hành là bình quân giá cổ phiếu đóng cửa 15 ngày giao dịch liên tiếp trước Ngày đăng ký cuối cùng để mua trái phiếu trong năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 29/04/2010.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

- Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

- Mệnh giá: **10.000** (Mười ngàn) đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

- Tổng số chứng khoán niêm yết: **38.800.000** (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn) cổ phần

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

- 16.742.167 cổ phần, tương ứng với 43,15% vốn điều lệ do cổ đông là thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và ít nhất 50% số cổ phần này trong 06 tháng tiếp theo.

TT	Tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
1	NGUYỄN THANH NGHĨA	Chủ tịch HĐQT/TGD	10.775.782	10.775.782 5.387.891	6 tháng 6 tháng tiếp theo
2	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	Thành viên HĐQT/Phó TGD	5.745.420	5.745.420 2.872.710	6 tháng 6 tháng tiếp theo
3	LÊ BÀ PHƯƠNG	Thành viên HĐQT	100.000	100.000 50.000	6 tháng 6 tháng tiếp theo
4	ĐOÀN THỊ MỸ HỒNG	Thành viên HĐQT	67.900	67.900 33.950	6 tháng 6 tháng tiếp theo
5	LÂM THỊ KIM PHƯỢNG	Phó TGD	10.000	10.000 5.000	6 tháng 6 tháng tiếp theo
6	LÊ HỒNG NHUNG	Trưởng BKS	1.320	1.320 660	6 tháng 6 tháng tiếp theo
7	PHAN MINH HIẾN	Thành viên BKS	16.000	16.000 8.000	6 tháng 6 tháng tiếp theo
8	VŨ THÀNH NAM	Kế toán trưởng	25.745	25.745 12.872	6 tháng 6 tháng tiếp theo
Tổng cộng			16.742.167		

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc)

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc là giá được tính toán dựa trên các phương pháp so sánh P/B, P/E quá khứ năm 2009, P/E dự kiến cho năm 2010 với các doanh nghiệp cùng ngành khác có cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM và giá giao dịch trên thị trường không chính thức (OTC).

Lưu ý: Đây chỉ là một trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra giá của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

a. Phương pháp so sánh P/B

Mã CK	SLCP đang lưu hành tại 31/12/2009 [1]	Nguồn vốn CSH tại ngày 31/12/2009 [2]	TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2009 [3]	Giá trị sổ sách tại 31/12/2009 [4] = { [2] - [3] } / [1]	Giá CP Ngày 04/05/2010 [5]	P/B [6] = [5] / [4]
PHT	11.000.000	169.766.641.559	9.174.188.643	14.599	25.400	1,74
SMC	14.659.463	311.516.270.414	54.898.058.232	17.505	36.300	2,07
P/B trung bình						1,91

Nguồn:

- Báo cáo tài chính của các công ty có liên quan;
- Công ty dùng để so sánh là những công ty có hoạt động kinh doanh tương đồng với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.

Ghi chú:

- PHT: CTCP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (niêm yết trên sàn HOSE);
- SMC: CTCP Đầu tư – Thương mại SMC (niêm yết trên sàn HOSE).

- Tổng tài sản của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại 31/12/2009: 1.473.745.940.658 đồng.
- Nợ phải trả của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại ngày 31/12/2009: 800.675.364.762 đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại 31/12/2009: 672.901.584.366 đồng.
- Tài sản cố định vô hình của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại 31/12/2009: 59.491.779.649 đồng
- Số cổ phiếu lưu hành của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại 31/12/2009: 38.790.000 cổ phiếu.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại thời điểm 31/12/2009: $(1.473.745.940.658 - 800.675.364.762 - 59.491.779.649) / 38.790.000 = 15.818$ đồng/ cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu dự kiến của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: $1,91 \times 15.818 = \underline{30.212 \text{ đồng/ cổ phiếu}}$.

b. Phương pháp so sánh P/E quá khứ năm 2009

Mã CK	SLCP bình quân 2009 [1]	LNST năm 2009 [2]	EPS 2009 (đồng) [3] = [2] / [1]	Giá CP Ngày 04/05/2010 [4]	P/E [5] = [4] / [3]
-------	-------------------------	-------------------	---------------------------------	----------------------------	---------------------

Mã CK	SLCP bình quân 2009 [1]	LNST năm 2009 [2]	EPS 2009 (đồng) [3] = [2] / [1]	Giá CP Ngày 04/05/2010 [4]	P/E [5] = [4] / [3]
PHT	11.000.000	47.864.107.870	4.351	25.400	5,84
SMC	12.491.956	73.060.948.761	5.849	36.300	6,21
P/E trung bình					6,02

Nguồn:

- Báo cáo tài chính của các công ty có liên quan;
- Công ty dùng để so sánh là những công ty có hoạt động kinh doanh tương đồng với Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: 133.792.146.685 đồng.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc năm 2009 là: 31.134.493 cổ phiếu.
- EPS năm 2009 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: $133.792.146.685 / 31.134.493 = 4.297$ đồng.
- Giá cổ phiếu dự kiến của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: $4.297 \times 6,02 = \underline{25.868 \text{ đồng/cổ phiếu.}}$

c. Phương pháp so sánh P/E dự kiến năm 2010

STT	Mã CK	SLCP bình quân dự kiến 2010 [1]	LNST dự kiến 2010 [2]	EPS dự kiến 2010 [3] = [2] / [1]	Giá CP ngày 04/05/2010 [4]	P/E [5] = [4] / [3]
1	PHT	11.000.000	60.000.000.000	5.455	25.400	4,66
2	SMC	14.659.463	80.000.000.000	5.457	36.300	6,65
P/E trung bình						5,65

Nguồn: EPS dự kiến năm 2010 được tính toán dựa trên các thông tin về kế hoạch lợi nhuận của các doanh nghiệp trong Bản cáo bạch và kế hoạch kinh doanh dự kiến của các doanh nghiệp.

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2010 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: 250.000.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: 54.000.000 cổ phiếu
- EPS dự kiến năm 2010 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: $250.000.000.000 / 54.000.000 = 4.630$ đồng
- Giá cổ phiếu dự kiến của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc: $4.630 \times 5,65 = \underline{26.157 \text{ đồng/cổ phiếu.}}$

d. Giá OTC

Tham khảo giá giao dịch của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc trên thị trường không chính thức tại thời điểm gần nhất với thời điểm niêm yết. Giá Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc trên thị trường OTC trong khoảng thời gian từ ngày 01/04/2010 – 01/05/2010 vào khoảng từ 29.000 – 31.000 đồng/cổ phần, vậy Giá OTC trung bình vào khoảng 30.000 đồng/cổ phần (Nguồn: DTLS, SSI và các nguồn khác)

e. Tổng kết giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Giá tham chiếu	Trọng số		Giá x Trọng số
Giá theo P/E trailing năm 2009	25.868	25%	6.467
Giá theo PE dự kiến năm 2010	26.157	25%	6.539
Giá theo PB tại ngày 31/12/2009	30.212	25%	7.553
Giá OTC trung bình	30.000	25%	7.500
Giá tham chiếu bình quân			28.059

Theo 04 phương pháp trên, giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc vào ngày giao dịch đầu tiên khi niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là 28.059 đồng/cổ phiếu, được làm tròn là 28.000 đồng/cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ Công ty không có giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TPHCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay – tính đến ngày 30/04/2010 là 3,04%.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Đối với Công ty

- Thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với sản xuất thép là 5%.
- Đối với hoạt động thương mại, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) mà Công ty phải nộp là 28% (trước năm 2009) và 25% (từ năm 2009) và được miễn trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (từ năm 2004 – 2006) và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất, thuế TNDN mà Công ty phải nộp là 15% trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh và được miễn trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (từ năm 2004 – 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2007 – 2013).
- Lưu đất theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính.

- Ngoài ra, các công ty con của Đại Thiên Lộc cũng được hưởng một số ưu đãi thuế như sau :

Công ty	Ưu đãi đầu tư
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	- Thuế suất TNDN là 15% trong 12 năm - Miễn 100% trong 03 năm kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2009) - Giảm 50% trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2012 - 2018 - Ưu đãi theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	- Thuế suất TNDN là 15% trong 12 năm - Miễn 100% trong 03 năm kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2009) - Giảm 50% trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2012 - 2018 - Ưu đãi theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính
Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc	- Thuế suất TNDN là 15% trong 12 năm - Miễn 100% trong 03 năm kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2009) - Giảm 50% trong 7 năm tiếp theo kể từ năm 2012 - 2018 - Ưu đãi theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004 của Bộ Tài Chính

7.2 Đối với nhà đầu tư

❖ Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến chứng khoán:

- Theo qui định tại Điều 3 Khoản 3 Điểm b, Khoản 4 Điểm b, Khoản 9, Khoản 10 Luật thuế thu nhập cá nhân: thu nhập từ cổ tức, chuyển nhượng chứng khoán, nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.
- Đối với thu nhập từ cổ tức: Điều 7 Khoản 1 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng + Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Ghi chú:

- Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.
- Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế theo mức thuế suất 0,1% trên giá thực tế chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.
- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Điều 16 Khoản 1 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu = Giá bán chứng khoán trừ (-) Giá mua (-) Các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ghi chú:

- Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100/2008/NĐ-CP: Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì thuế suất áp dụng là 0,1% trên từng lần chuyển nhượng.
- Đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán: Mục II Điều 7.1.4 Thông tư 84/2008/TT-BTC:
Thu nhập để tính thuế của chứng khoán = Giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu.
Ghi chú: Theo Điều 7.2 Thông tư 84 thì thuế suất áp dụng là 10%.

❖ **Thuế TNDN liên quan đến chứng khoán:**

- Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 qui định chi tiết một số điều của Luật thuế TNDN: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ = Giá bán chứng khoán trừ (-) Giá mua của chứng khoán chuyển nhượng (-) Các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ghi chú: Theo Điểm 2.2 Thông tư 130: Thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

- Đối với tổ chức Việt Nam số thuế TNDN phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và thuế TNDN đối với lĩnh vực chứng khoán: các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nộp thuế TNDN theo phương thức khoán: 0,1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.
- Qui định về giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân: Theo qui định tại Điều 1 Khoản 1, Điều 2 Khoản 1 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân thì cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009.
- Khoản 3.3 Điều 2 Thông tư 27/2009/TT-BTC thì số thuế được giãn nộp, cá nhân có thu nhập được giữ lại trong thời gian được giãn.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

❖ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Địa chỉ: Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: (+84) 650 3732 981/982

Fax: (+84) 650 3732 980/983

E-mail: daithienloc@hcm.vnn.vn

2. Tổ chức tư vấn

❖ Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3824 2897

Fax: (84 - 8) 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3821 8567

Fax: (84 - 8) 3291 0590

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 3936 6321

Fax: (84 - 4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 3942 6718

Fax: (84 - 4) 3942 6719

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84 - 31) 3569 123

Fax: (84 - 31) 3569 130

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi, TP Vũng Tàu

Điện thoại: (84 - 64) 3521 906

Fax: (84 - 31) 3521 907

Phòng giao dịch 3-2

Địa chỉ: Số 03 Đường 3 - 2, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3818 1450

Fax: (84 - 8) 3818 1451

Phòng giao dịch Hồng Bàng

Địa chỉ: 769 Hồng Bàng, Quận 6, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3969 5898

Fax: (84 - 8) 3969 5894

Phòng giao dịch PVFC (TPHCM)

Địa chỉ: Số 208 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC



Điện thoại: (84 - 8) 3925 7778

Fax: (84 - 8) 3925 6861

Phòng giao dịch PVFC (Hà Nội)

Địa chỉ: Tầng trệt, Toà nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 3794 0112

Fax: (84 - 4) 3794 0114

3. Tổ chức kiểm toán

❖ **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)**

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3827 2295

Fax: (84 - 8) 3827 2298 – 3827 2300

Website: www.auditconsult.com.vn



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC



Tp. HCM, ngày 1... tháng 5 năm 2010

Đại diện tổ chức niêm yết
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc



Nguyễn Thanh Nghĩa
Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Lê Hồng Nhung
Trưởng Ban Kiểm soát

Đại diện tổ chức tư vấn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)



Nguyễn Hồng Nam
Giám đốc Điều hành



VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1.** Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận ĐKKD;
Phụ lục 2. Bản sao Điều lệ công ty;
Phụ lục 3. Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty;
Phụ lục 4. Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2010;
Phụ lục 5. BCTC đã kiểm toán 2007, 2008, 2009 và BCTC quý 1/2010 của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc.

1
2
3